



Báo Cáo Thường Niên 2021



Mục lục

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH	03
THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC	04
GIỚI THIỆU VỀ TVS	06
Tổng quan	07
Điểm nổi bật về tài chính	08
Lịch sử phát triển	10
Ngành nghề kinh doanh	11
Quản trị rủi ro	15
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021	16
Thị trường	17
Kết quả kinh doanh 2021	20
Cơ cấu cổ đông	29
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	30
Công tác từ thiện	31
Nhân viên của chúng tôi	33
Chương trình thực tập	35
KẾ HOẠCH KINH DOANH 2022	36
Các đơn vị kinh doanh	37
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	42
Cơ cấu tổ chức	43
Hội đồng quản trị	44
Ban giám đốc	49
Ban giám sát	51
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	54

Thông điệp Chủ tịch

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục thách thức sự tăng trưởng toàn thế giới, nhiều quốc gia áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội gây nên sự gián đoạn về kinh tế cũng như chuỗi cung ứng toàn cầu. Việt Nam cũng là một trong những quốc gia đối mặt với thách thức này khi số ca nhiễm tăng cao và phải áp dụng giãn cách xã hội trong nửa cuối năm. Điều này tác động tiêu cực đến nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh, khiến tốc độ tăng trưởng GDP chậm lại ở mức 2,58%, từ 2,9% năm 2020. Nhờ sự chủ động lập kế hoạch và thực hiện môi trường làm việc từ xa cho phép công ty hoạt động với sự gián đoạn tối thiểu, TVS đã vượt qua những khó khăn và hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh của năm 2021.

Thị trường chứng khoán tăng điểm vào cuối năm nhờ sự tham gia tích cực của nhà đầu tư cá nhân và sự nâng cấp trong khối lượng giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). VN-Index đã tăng trưởng 35,7% trong năm qua, với khối lượng giao dịch trung bình hàng ngày đạt 26.589 tỷ đồng, tăng gần gấp bốn lần so với năm trước. Với sự tăng trưởng của dòng tiền và chứng khoán dần trở thành kênh tích sản của người dân Việt Nam, chúng tôi rất lạc quan về sự hoàn thiện và phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong những năm tới.

Năm 2021 là một năm đầy thách thức đối với tất cả mọi người và tôi rất tự hào về đội ngũ TVS đã vượt qua khó khăn để đưa TVS lên một tầm cao mới, với doanh thu và lợi nhuận kỷ lục. Nhân cơ hội này, tôi muốn ghi nhận những cố gắng vượt bậc của đội ngũ TVS, những người đã làm việc không mệt mỏi trong suốt năm 2021 để đảm bảo hoạt động của công ty hoạt động xuyên suốt trong thời gian giãn cách. Trong hoạt động cộng đồng, tôi chân thành biết ơn những nỗ lực của đội ngũ TVS đã nhanh chóng và kịp thời hỗ trợ những thiết bị y tế và thực phẩm thiết yếu đến những người bị ảnh hưởng nặng nề bởi Covid-19. Với 15 tỷ đồng trao tặng, chúng tôi mong muốn đem lại những giá trị đáng kể đối với cộng đồng, góp một phần nhỏ trong công cuộc chống lại đại dịch.



Chủ tịch Nguyễn Trung Hà

Năm 2021 là một năm thành công với thị trường chứng khoán Việt Nam. Năm 2022 sẽ là một năm có nhiều thách thức về kinh tế bao gồm lạm phát tăng cao, chính sách thắt chặt tiền tệ ở các nước và bất ổn địa chính trị phát sinh chỉ trong những tháng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung vào việc phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi của mình là Ngân hàng Đầu tư, Quản lý Tài sản, kinh doanh Nguồn vốn và khách hàng tổ chức. Đồng thời, mở rộng các mảng kinh doanh tiềm năng và tìm kiếm cơ hội đầu tư hấp dẫn trong lĩnh vực tài chính và công nghệ. Trong giai đoạn 2022-2024, TVS đặt ra mục tiêu tăng trưởng ROE trung bình 15% hàng năm, vượt mức tăng trưởng ước tính năm 2022 của chúng tôi là 10% cho VN-Index.

Với những thành quả đã đạt được trong năm 2021, tôi tin rằng đội ngũ TVS sẽ tiếp tục bước vào năm 2022 với sự quyết tâm, niềm tin vững chắc để phát triển và củng cố vị thế TVS trong thị trường tài chính Việt Nam.

Trân trọng

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Trung Hà

Thông điệp Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2021 là một năm thành công của TVS, một lần nữa khẳng định vị thế của mình trong thị trường tài chính Việt Nam. TVS đã có một năm tăng trưởng vượt kì vọng với tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt mức kỷ lục 1.042 tỷ đồng, tăng 164% và 644 tỷ đồng, tăng 222%, với cổ tức cổ phiếu dự kiến là 38,6%. Đây là những con số mang đầy ý nghĩa minh chứng cho sự nỗ lực của Ban Điều hành và toàn bộ cán bộ nhân viên TVS trong bối cảnh khó khăn của đại dịch Covid-19.

Nhìn lại năm 2021, đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu cũng như Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2021 nhờ vào Chính sách tiền tệ nới lỏng diễn ra trên toàn thế giới. Chính sách thích ứng của Chính phủ Việt Nam với đại dịch bằng việc ‘Sống cùng Covid’, và gói kích cầu 350 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, làn sóng các nhà đầu tư F0, sự bùng nổ tài khoản mở mới đã tạo nên thanh khoản vượt trội cho thị trường trong năm 2021. Tổng số tài khoản chứng khoán mở mới trong nước lên tới 1.53 triệu tài khoản, tăng 285% so với cùng kì.

Tôi không thể nói về năm 2021 mà không đề cập đến khó khăn mà đại dịch gây ra cho cộng đồng và sự cảm kích của tôi dành cho Quý Cổ đông và Hội đồng quản trị đã ủng hộ cho chiến dịch “Chia sẻ yêu thương, vượt qua đại dịch” bằng việc trích 3-5% lợi nhuận của TVS trong nửa đầu năm 2021. TVS đã quyên góp tổng cộng 15 tỷ đồng; trong đó 12 tỷ đồng cho 37 bệnh viện và trung tâm y tế địa phương, bao gồm các thiết bị y tế như máy điện tâm đồ, máy thở, bình dưỡng khí, thiết bị bảo hộ, bơm tiêm và nhiều hơn nữa. Đồng thời, gần 10.000 gói thực phẩm trị giá 3,2 tỷ đồng đã được gửi trực tiếp đến các hộ gia đình và cá nhân khó khăn trước và ngay sau khi giãn cách toàn xã hội. Một lần nữa,



CEO Nguyễn Thanh Thảo

tôi muốn cảm ơn Quý Cổ đông và Hội đồng quản trị vì đã hỗ trợ và đồng hành cùng TVS trong chiến dịch này. Tôi cũng chân thành cảm ơn các nhân viên TVS, những người đã dành thời gian, công sức của bản thân để đảm bảo những món quà của TVS được trao đến bệnh viện, những gia đình khó khăn trong giờ phút tột nhất của họ.

Về hoạt động kinh doanh chính của TVS, hoạt động Đầu tư và Kinh doanh Nguồn vốn đã có một năm thành công dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng từ Covid-19. Doanh thu đến từ hoạt động Kinh doanh nguồn vốn đạt 243 tỷ đồng, với mức lợi nhuận cao kỉ lục là 168 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2020. Hoạt động Tự doanh và Quản lý quỹ đạt lợi nhuận 503 tỷ đồng với mức sinh lời từ 59,6% đến 67,5%, so mức tăng trưởng của VN-Index năm 2021 là 35,7% nhờ vào chiến lược phát triển bền vững của Hội đồng đầu tư và giám đốc danh mục. Về hoạt động đầu tư vào công ty tư nhân, chúng tôi đã hoàn thành bốn thương vụ đầu tư bao gồm một thương vụ fintech, phòng khám nhi khoa và hai thương vụ giáo dục. Khoản đầu tư của TVS vào Momo vào năm 2007 đã chính thức trở thành kỷ lân của Việt Nam với hơn 30 triệu người dùng được định giá hơn 2 tỷ USD. Chúng tôi tự hào là một trong những công ty chứng khoán tiên phong trong lĩnh vực đầu tư vào Nền Kinh tế mới (New Economy). TVS hiện tại đã trực

<h3>Công nghệ tài chính</h3> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">  <p>Ví điện tử số 1 Việt Nam</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Quản lý tài sản trên nền tảng kỹ thuật số 1 Việt Nam</p> </div> </div>		<h3>Công nghệ giáo dục</h3> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="text-align: center;">  <p>Giáo dục trực tuyến số 1 Việt Nam</p> </div> <div style="border: 1px dashed gray; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Các công ty con của Galaxy Education</p>  </div> <div style="text-align: center;">  <p>Giáo dục lập trình</p> </div> </div>	
<h3>Truyền thông trực tuyến</h3> <div style="text-align: center;">  <p>Video-theo-yêu-cầu số 1 Việt Nam</p> </div>	<h3>Du lịch trực tuyến</h3> <div style="text-align: center;">  <p>OTA số 1 Việt Nam</p> </div>	<h3>Chăm sóc sức khỏe</h3> <div style="text-align: center;">  <p>Chuỗi phòng khám nhi khoa trên nền tảng kỹ thuật số 1 Việt Nam</p> </div>	

tiếp hoặc thông qua các công ty trong Hệ Sinh thái của mình đầu tư vào 5 lĩnh vực chính của Nền Kinh tế mới bao gồm Fintech (Momo và Finhay), Edtech (Galaxy Education), Truyền thông trực tuyến (Galaxy Play), Du lịch trực tuyến (Momo - đại lý du lịch trực tuyến số 1), và Chăm sóc sức khỏe (Nhi Đồng 315).

Năm 2022, sẽ là một năm đầy thách thức lẫn cơ hội, chúng tôi dự kiến sẽ có nhiều biến động mạnh làm ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu và Việt Nam, điển hình như xung đột giữa Nga-Ukraine, lạm phát ngày càng tăng cao và những chính sách Điều hậu của Mỹ và châu Âu. Với tầm nhìn đó, chúng tôi sẽ phân bổ lại nguồn vốn, trong đó tập trung nhiều hơn vào hoạt động kinh doanh chứng khoán có thu nhập ổn định (fixed income) đồng thời theo dõi sát các diễn biến thị trường chứng khoán để có những quyết định và hành động đầu tư phù hợp. Với mảng kinh doanh Ngân hàng đầu tư, chúng tôi sẽ tiếp tục với tìm kiếm các cơ hội đầu tư dựa trên các lợi thế của mình nhằm hoàn thiện hệ sinh thái của TVS.

Với tầm nhìn dài hạn, TVS sẽ trở thành công ty dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực tài chính và công nghệ.

Về quản trị nhân sự, môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết và các chính sách thu hút các nhân sự chủ chốt chất lượng cao luôn là vấn đề được TVS quan tâm. Chúng tôi sẽ tiếp tục xây dựng nhân viên, lãnh đạo chủ chốt với chuyên môn, đạo đức, tính chuyên nghiệp cao để đáp ứng với sự phát triển của TVS.

Thay mặt toàn thể nhân viên của TVS, tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành và ủng hộ của Quý Cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2021. Tôi tin rằng TVS sẽ tiếp tục gặt hái được các thành công dựa trên sự hỗ trợ của Cổ đông / Hội đồng quản trị, sự quyết đoán của Ban Điều hành và sự cam kết đóng góp của đội ngũ nhân viên.

Trân trọng



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Thảo

Tổng quan về TVS



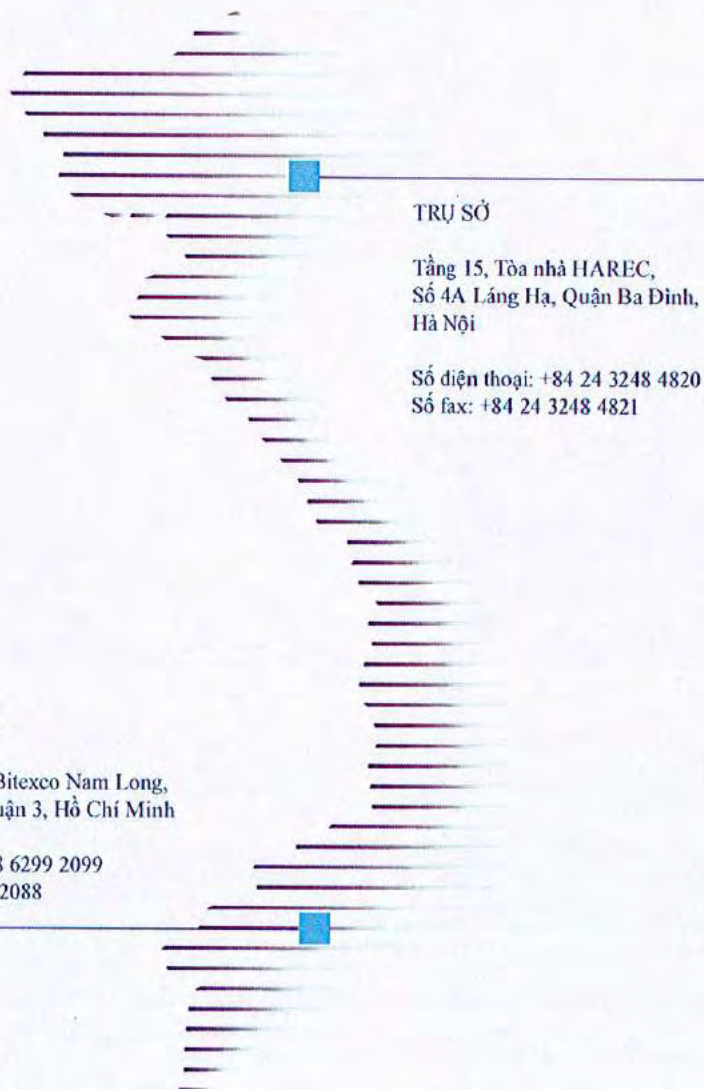
Tổng quan về TVS

Được thành lập vào năm 2007 theo giấy phép số 36/UBCK-GPHĐKD, TVS là một công ty chứng khoán hoạt động như một ngân hàng đầu tư tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế.

TVS đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã “TVS” từ tháng 1/2015.

Với các dịch vụ tài chính đa dạng bao gồm ngân hàng đầu tư, quản lý tài sản (TVAM), môi giới khách hàng tổ chức (ICG), và khách hàng cá nhân, tự doanh, dịch vụ kinh doanh nguồn vốn và nghiên cứu, nhu cầu của khách hàng tại TVS luôn được đáp ứng chuyên nghiệp và tận tình nhất.

TÊN GIAO DỊCH	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
MÃ CÒ PHIẾU	TVS
VỐN ĐIỀU LỆ	1.071 TỶ ĐỒNG
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.755 TỶ ĐỒNG
WEBSITE	HTTPS://WWW.TVS.VN



TRỤ SỞ

Tầng 15, Tòa nhà HAREC,
Số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình,
Hà Nội

Số điện thoại: +84 24 3248 4820
Số fax: +84 24 3248 4821

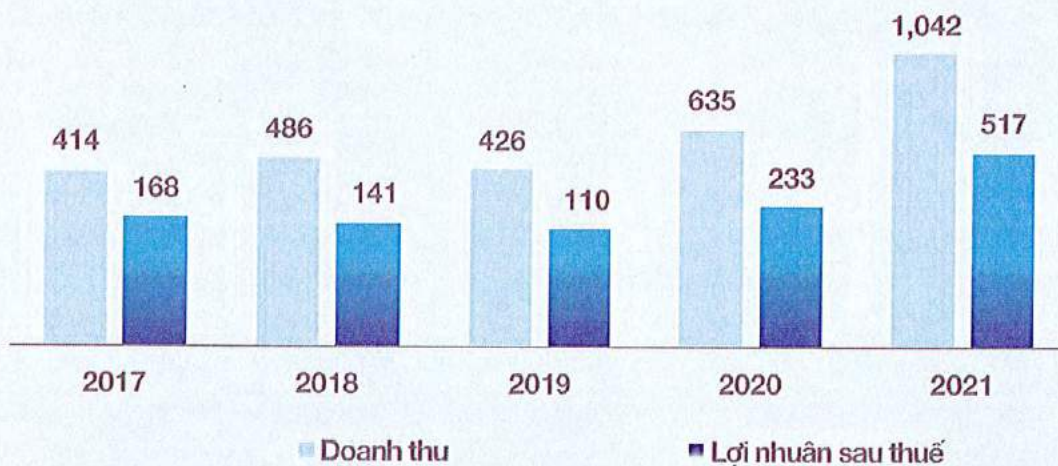
CHI NHÁNH HCM

Lầu 8 & 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long,
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh

Số điện thoại: +84 28 6299 2099
Số fax: +84 28 6299 2088

Điểm nổi bật về tài chính

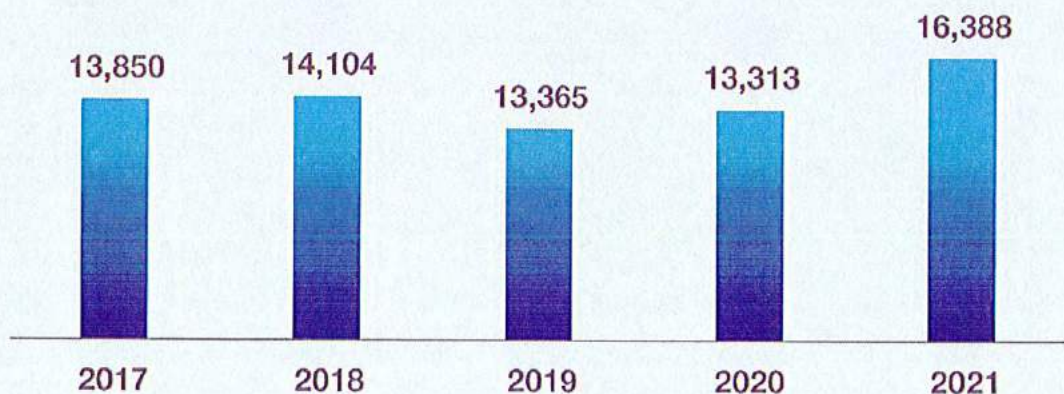
Doanh thu và lợi nhuận (tỷ đồng)



Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)



Giá trị sổ sách (đồng)



*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

7,187 tỷ đồng

Tổng tài sản

1,042 tỷ đồng

Doanh thu

644 tỷ đồng

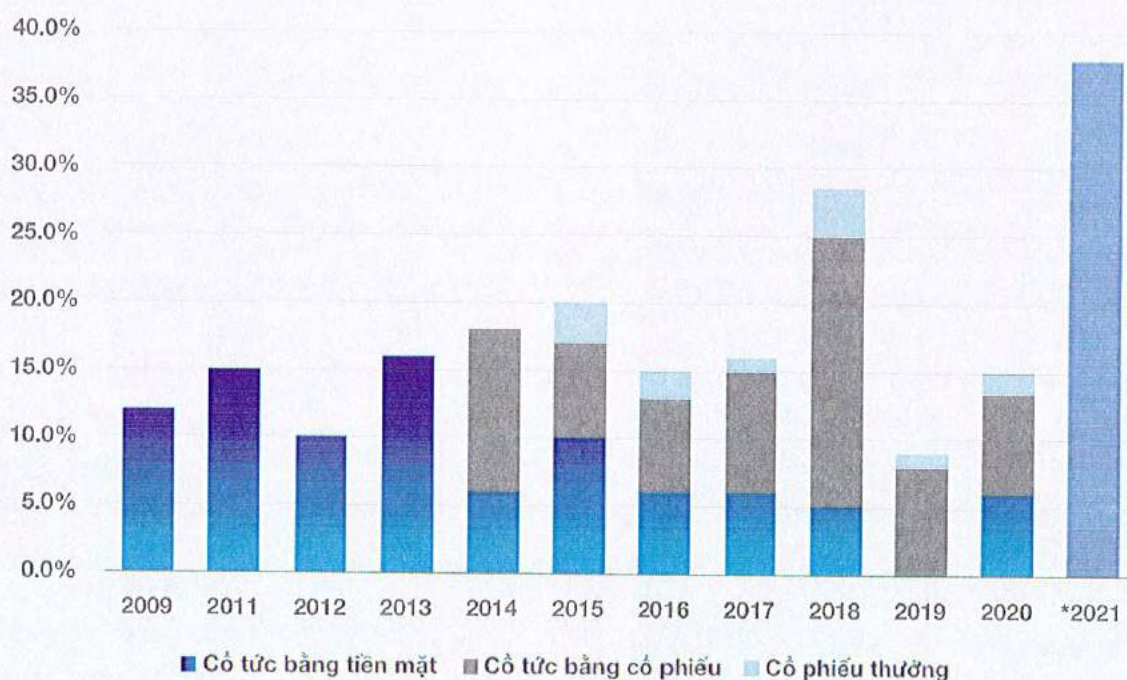
Lợi nhuận trước thuế

Diễn biến giá
cổ phiếu TVS



*Nguồn tham khảo:
Bloomberg

Lịch sử trả cổ tức



*Nguồn tham khảo:
dữ liệu của TVS

*cổ tức bằng cổ phiếu được thông qua trong AGM

Chặng đường phát triển

2006

TVS được thành lập tại Hà Nội với vốn điều lệ 36 tỷ đồng.

2007

Chi nhánh TP.HCM được thành lập, đánh dấu sự mở rộng ra các khu vực phía Nam.

2010

TVS trở thành ngân hàng đầu tư đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam nhận được tài trợ từ IFC, một thành viên của Ngân hàng Thế giới.

2011

TVS giành giải thưởng "Thương vụ tốt nhất năm" từ tạp chí The Asset cho thương vụ Diana - Unicharm (TVS là cổ vấn độc quyền cho Diana).

2015

TVS mua 99,2% cổ phần của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc và thành lập Công ty Quản lý Tài sản Thiên Việt (TVAM).

2016

TVAM huy động quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt (TVGF1) và niêm yết trên HOSE với tổng giá trị 150 tỷ đồng.

2017

TVAM huy động quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (TVGF2) với tổng giá trị 170 tỷ đồng.

2020

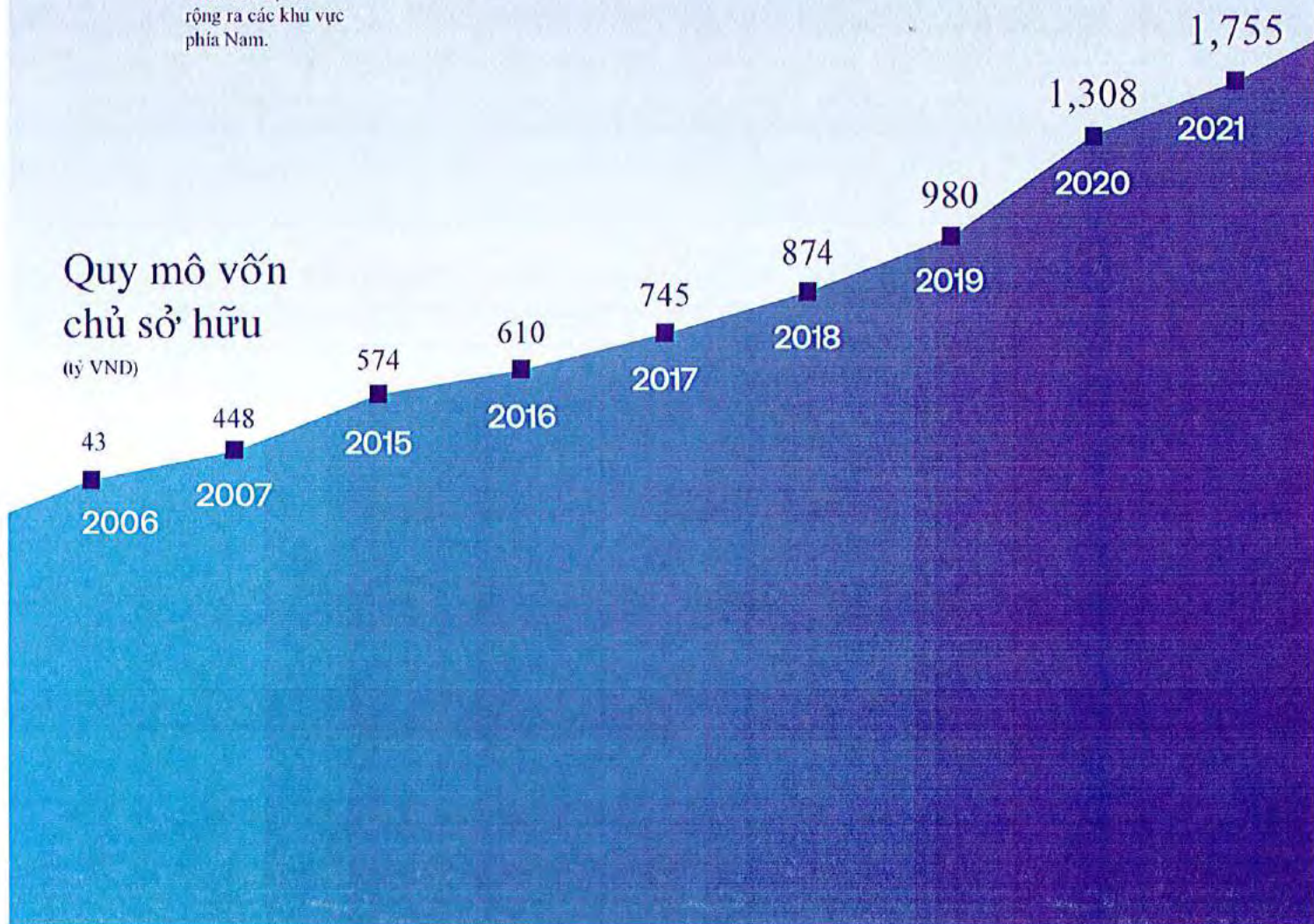
TVS tăng tỷ lệ sở hữu TVAM lên 99,8% và vốn điều lệ của TVAM lên 125 tỷ đồng.

2021

Momo Trở thành kỳ lân với định giá hơn 2 tỷ USD.

Quy mô vốn chủ sở hữu (tỷ VND)

(tỷ VND)



Ngành nghề kinh doanh

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

QUẢN LÝ QUỸ

TỰ DOANH

MÔI GIỚI

KINH DOANH NGUỒN VỐN

KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

PHÂN TÍCH

Ngân hàng đầu tư

Huy động vốn (Vốn chủ sở hữu và Nợ)

Mua bán & sáp nhập (M&A)

Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp

Tư vấn thoái vốn

Là hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty, Khối Ngân hàng đầu tư cung cấp nhiều dịch vụ toàn diện, bao gồm huy động vốn (vốn chủ sở hữu và nợ), mua bán và sáp nhập (M&A), tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp và tư vấn thoái vốn. Thông qua việc tìm hiểu nghiêm ngặt mô hình kinh doanh, từng giai đoạn phát triển, cấu trúc vốn và hồ sơ tài chính tổng thể của khách hàng, TVS cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp phù hợp với khách hàng, bất kể họ đang ở giai đoạn phát triển nào. Chúng tôi tập trung vào các giao dịch mang lại lợi ích tốt nhất cho các bên liên quan, bao gồm các giao dịch huy động vốn và M&A có giá trị gia tăng cao.

Chuyên môn

TIÊU DÙNG

CÔNG NGHỆ

CƠ SỞ HẠ TẦNG

BẤT ĐỘNG SẢN

GIÁO DỤC

VẬN TẢI

TRUYỀN THÔNG & GIẢI TRÍ

DƯỢC

NÔNG NGHIỆP

1010005 + K21

Công ty quản lý quỹ Thiên Việt

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
ĐỊA CHỈ	LẦU 7, TÒA NHÀ BITEXCO NAM LONG, 63A VÕ VĂN TẦN, QUẬN 3, HỒ CHÍ MINH
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ
VỐN ĐIỀU LỆ	125 TỶ ĐỒNG
TỶ LỆ SỞ HỮU	99,84%

Năm 2015, nhằm tạo cơ hội cho các nhà đầu tư dài hạn tham gia và hưởng lợi từ sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam, TVS đã thành lập Công ty Quản lý Tài sản Thiên Việt (TVAM) với tư cách là công ty con với tỷ lệ sở hữu 99,84% và hoạt động theo giấy phép số 32/GPĐC-UBCK. TVAM cung cấp hai loại dịch vụ: Quản lý quỹ và quản lý tài khoản với mục tiêu trung hạn, thường nắm giữ cổ phiếu trong danh mục đầu tư của mình từ 1-2 năm.

Tự doanh – TVAM

Các chiến lược đầu tư của chúng tôi được xây dựng trên định hướng của Hội Đồng Đầu tư kết hợp với phân tích đánh giá về chu kỳ và tâm lý thị trường. Chúng tôi sử dụng kết hợp phương pháp đầu tư theo chọn lọc tiêu chí ngành và các doanh nghiệp hiệu quả nhất để xác định các cổ phiếu tăng trưởng có giá trị nội tại vượt trội, cho phép chúng tôi đạt hiệu quả cao hơn so với chỉ số VN-Index trong dài hạn.

Nhìn lại năm 2021, đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu cũng như ở Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2021 nhờ vào (1) Chính sách tiền tệ nới lỏng diễn ra trên toàn thế giới, điển hình FED duy trì mức lãi suất thấp 0,25% và chính sách định lượng nới lỏng hỗ trợ nền kinh tế, (2) Làn sóng nhà đầu tư F0, sự bùng nổ tài khoản mở mới, năm 2021, tổng số tài khoản chứng khoán mở mới trong nước lên tới 1,53 triệu tài khoản, tăng 285% yoy.

Tự doanh – IB

Hội đồng Đầu tư và Đội ngũ Đầu tư của chúng tôi bao gồm các doanh nhân và những người kỳ cựu trong ngành, mỗi người đều có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư. Các nguyên tắc đầu tư của chúng tôi dựa trên hướng dẫn của Hội Đồng Đầu tư và kinh nghiệm của những người trực tiếp điều hành. Nhờ cách tiếp cận đầu tư giá trị có kỷ luật của chúng tôi, sử dụng quan điểm vĩ mô từ trên xuống và chọn cổ phiếu từ dưới lên, AUM của chúng tôi ít bị ảnh hưởng bởi sự biến động của thị trường, vốn thường có thể cao ở một thị trường cận biên như Việt Nam.

Khách hàng cá nhân

Khối Khách hàng cá nhân cung cấp dịch vụ môi giới cho các khách hàng cá nhân trong nước. Khối hỗ trợ các khách hàng trong nước muốn giao dịch cổ phiếu niêm yết của Việt Nam.

Kinh doanh nguồn vốn

Các hoạt động chính của Khối Kinh doanh nguồn vốn bao gồm kinh doanh các công cụ tài chính có thu nhập cố định (tiền gửi chứng chỉ và trái phiếu) và cung cấp các dịch vụ cho vay ký quỹ và ứng trước cho các nhà đầu tư. Chúng tôi cũng cung cấp các sản phẩm lãi suất cơ cấu và cơ cấu lại vốn kinh doanh.

Khách hàng tổ chức

Kể từ khi thành lập Nhóm Khách hàng Tổ chức (ICG) phục vụ các Khách hàng Tổ chức quan tâm đến đầu tư tại Việt Nam, nhóm đã phát triển cả về quy mô và doanh thu. Trọng tâm chính của ICG là cung cấp các dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư (IB) cho các tổ chức trong và ngoài nước. Với đội ngũ dày dặn kinh nghiệm, ICG có khả năng tiếp cận khách hàng và hoàn thành các giao dịch lớn ngoài thị trường.

Phân tích

Bộ phận Nghiên cứu TVS là một bộ phận quan trọng của bất kỳ công ty môi giới chứng khoán nào, cung cấp một loạt các sản phẩm nghiên cứu chuyên sâu như phân tích công ty và ngành, báo cáo và khuyến nghị định kỳ. Bộ phận này bao gồm các nhà phân tích có trình độ CFA và các thành viên trong nhóm có năng lực cao với kinh nghiệm dày dặn hơn 35 năm trong lĩnh vực chuyên môn của họ, cung cấp các chiến lược nội bộ của bộ phận và khuyến nghị xu hướng thị trường cho khách hàng của chúng tôi.

Quản trị rủi ro

Thị trường

Với 50% khoản đầu tư của chúng tôi vào cổ phiếu niêm yết, biến động thị trường chúng tôi chịu ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của chúng tôi. Chúng tôi hạn chế rủi ro thị trường này bằng cách chỉ đầu tư vào những cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt trong giai đoạn tăng trưởng của chúng. Chúng tôi cũng có một hội đồng đầu tư giám sát các quyết định về quản lý danh mục đầu tư. Ngoài ra, Phòng Quản trị Rủi ro giám sát các phê duyệt đầu tư và quản lý các khoản lỗ thông qua hệ thống báo cáo hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng.

Pháp lý

Do thị trường vốn của Việt Nam vẫn còn ở giai đoạn sơ khai, hệ thống pháp luật phức tạp hơn và dễ bị thay đổi liên tục, tạo ra những rủi ro pháp lý tiềm ẩn cho công ty. Chúng tôi ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật thông qua việc thường xuyên cập nhật các thay đổi.

Tự doanh

Đây là những rủi ro cụ thể liên quan đến tài sản của công ty trong quá trình phân bổ vốn chủ sở hữu. Để giảm thiểu những rủi ro này, TVS áp dụng phương pháp đầu tư giá trị có kỷ luật, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thực hiện quy trình thẩm định nghiêm ngặt để chọn cổ phiếu.

Công nghệ

Để thực hiện giao dịch một cách thuận tiện, nhanh chóng và bảo mật, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phải luôn kết nối với các sở giao dịch chúng tôi. Kết nối bị gián đoạn không chỉ gây thiệt hại về tài chính cho TVS và khách hàng mà còn gây nguy hiểm cho danh tiếng của công ty, khó thu hút khách

Tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh do khách hàng hoặc đối tác không có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính của họ đối với TVS, chủ yếu đến từ hoạt động cho vay ký quỹ và thanh toán thay cho khách hàng. TVS giảm thiểu rủi ro tín dụng thông qua phân tích chặt chẽ chất lượng tài sản và tín dụng của khách hàng dựa trên các tiêu chí thanh khoản của công ty trước khi đưa ra quyết định cho vay. Hội đồng đầu tư yêu cầu phê duyệt trước khi xây dựng danh sách cổ phiếu ký quỹ.

Môi giới

Rủi ro hoạt động liên quan đến môi giới có nhiều dạng, chẳng hạn như sai sót trong việc đặt lệnh, gian lận của nhân viên, hoặc sự bất ổn về cơ sở hạ tầng công nghệ. Để giảm thiểu những rủi ro này, TVS liên tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro và thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để nâng cao trình độ cho nhân viên.

Nhân sự

Con người luôn là tài sản được đánh giá cao nhất trong ngành môi giới và ngân hàng đầu tư. Chỉ mới ra đời được 20 năm, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đang thiếu hụt nguồn lao động có trình độ, đặt ra nhiều thách thức cho sự phát triển của công ty. Để thu hút và giữ chân đội ngũ nhân sự, TVS liên tục duy trì chính sách lương thưởng cạnh tranh và tạo điều kiện làm việc tuyệt vời cho các chuyên viên.

hàng mới. Để hạn chế rủi ro liên quan đến CNTT, TVS chủ động giám sát chặt chẽ các kế hoạch nâng cấp, phát triển CNTT của các cơ quan nhà nước như UBCKNN, VSD. TVS cũng cập nhật hệ thống của mình thường xuyên để đáp ứng các yêu cầu của cơ quan nhà nước về quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật

Kinh tế vĩ mô

Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi làn sóng Covid thứ tư, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP 2,6% vào năm 2021. Đây là điểm đáng khích lệ khi Việt Nam đã duy trì được mức tăng trưởng tích cực năm thứ hai liên tiếp trong điều kiện Covid và sự đứt gãy trong các chuỗi hoạt động kinh tế.

Thương mại quốc tế & FDI chắc chắn là điểm nhấn của năm 2021, giúp Việt Nam đạt thặng dư thương

mại 4,08 tỷ USD nhờ nhu cầu toàn cầu phục hồi nhanh chóng. Giải ngân vốn FDI đạt 19,7 tỷ USD (-1,2% YoY), nhưng vốn đăng ký FDI cho thấy sự phục hồi vững chắc, tăng 9,2% YoY lên 31,2 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái, với giá lương thực, thực phẩm chiếm 1/3 rổ tính CPI, giữ ổn định trong cả năm.

Hiệu suất đầu tư của VN Index trong 2021

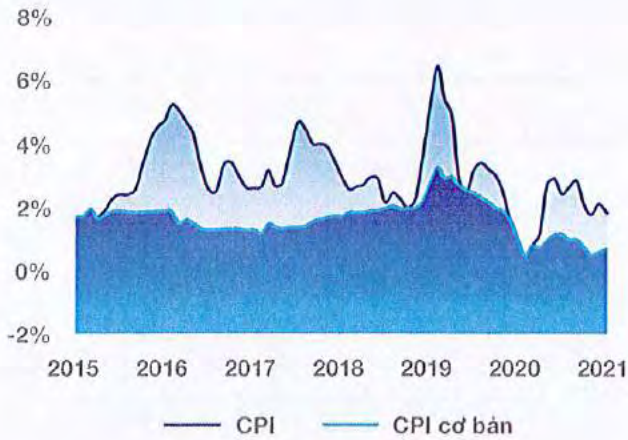


*Nguồn tham khảo: Bloomberg

Chỉ số VNIndex đã trải qua một thị trường giá xuống từ mức giảm mạnh 20,3% từ 1.200 xuống 998 điểm trong tháng Giêng và mức điều chỉnh đáng ngạc nhiên 11,9% trong tháng Bảy. Ngoài ra, các nhà đầu tư nước ngoài bán ra hơn 2,72 tỷ USD. Tuy nhiên, bất chấp tâm lý tiêu cực đang xuất hiện, chỉ số VN-Index đã

hồi phục để đóng cửa ở mức 1.498 vào cuối năm, tăng 35,7%. Điều này có được là nhờ dòng tiền từ các nhà đầu tư cá nhân, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và gói kích cầu. Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày trên HOSE tăng gần 4 lần lên 26.589 tỷ đồng từ 7.395 tỷ đồng.

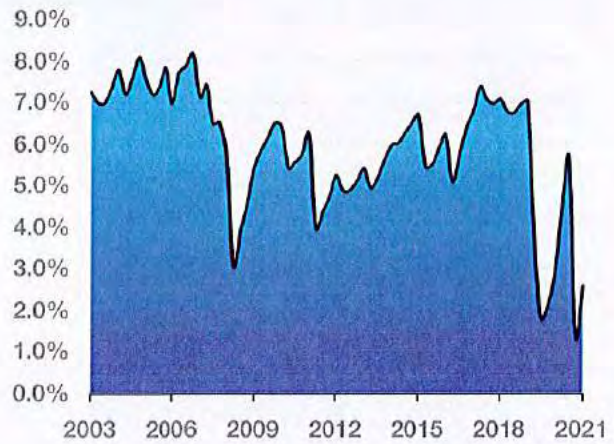
Lạm phát



CPI đang tăng mạnh nhưng vẫn dưới mục tiêu chính phủ 4% và hơn nữa, CPI cơ bản được duy trì tốt.

*Nguồn tham khảo: Bloomberg

Tăng trưởng GDP theo năm

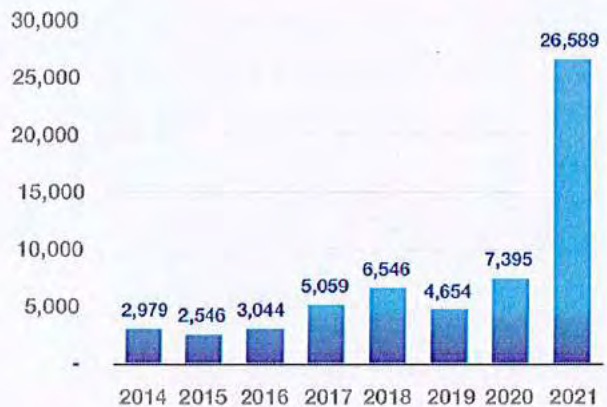


GDP có mức tăng trưởng hàng quý kém nhất kể từ năm 2003.

*Nguồn tham khảo: Bloomberg

Giá trị giao dịch trung bình (tỷ đồng)

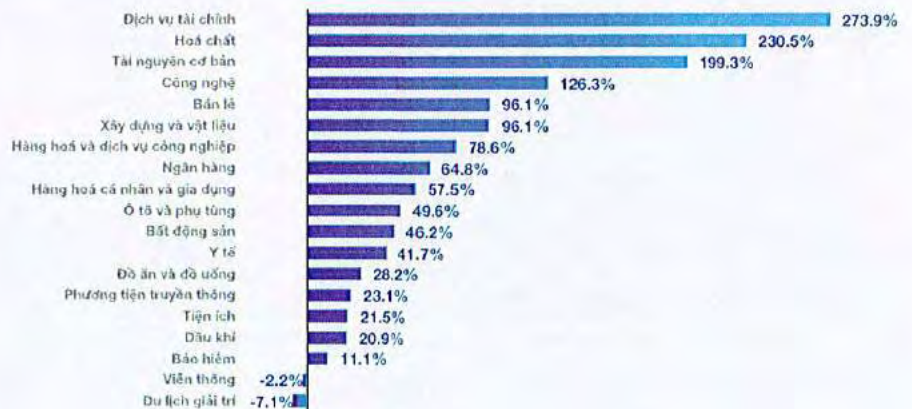
2021 giá trị giao dịch hàng ngày ghi nhận mức tăng kỷ lục từ trước đến nay nhờ sự tham gia đông đảo của các nhà đầu tư cá nhân.



*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

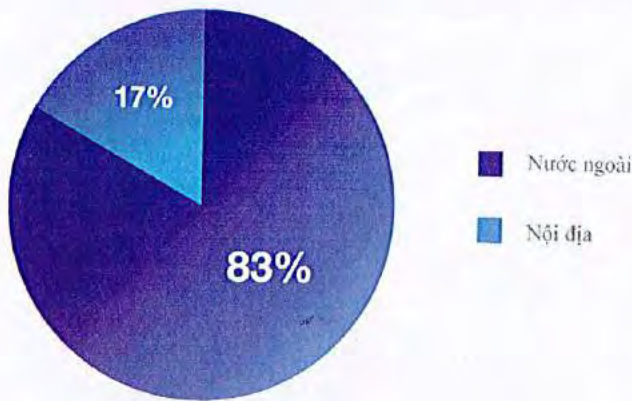
Hiệu suất đầu tư của ngành

Dịch vụ tài chính, Hóa chất và Tài nguyên cơ bản là ba lĩnh vực có hiệu suất tốt nhất năm 2021.



*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

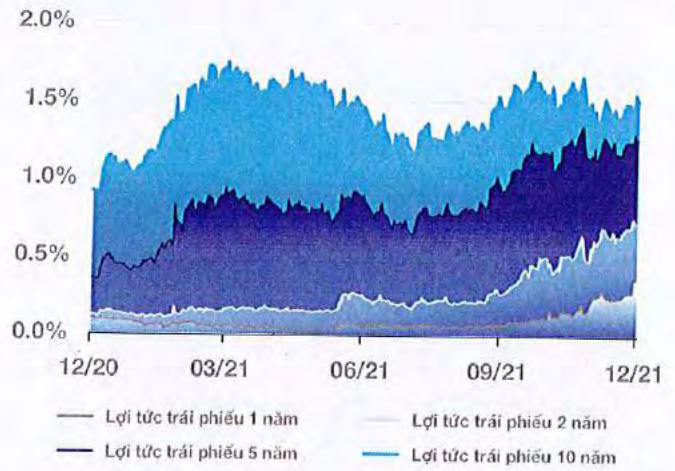
Tỷ lệ sở hữu của nước ngoài trên HOSE



Sở hữu nước ngoài có khả năng tăng trưởng.

*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

Lợi tức trái phiếu Mỹ

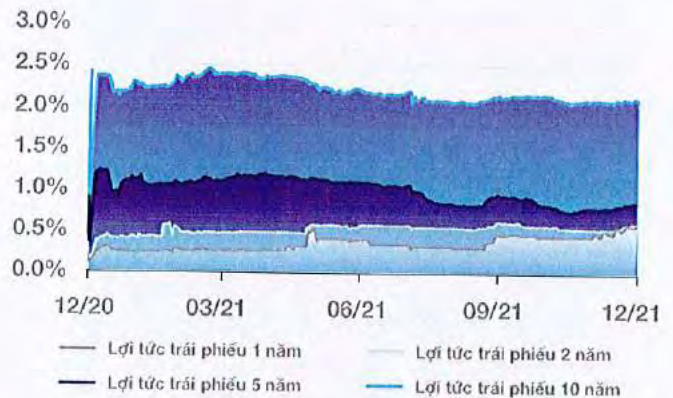


Lợi tức trái phiếu Mỹ đang tăng với kế hoạch tăng lãi suất của Fed.

*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

Lợi tức trái phiếu Việt Nam

Lợi tức trái phiếu Việt Nam vẫn chưa tăng nhưng có dấu hiệu chậm đáy.



*Nguồn tham khảo: Bloomberg

Thị trường phái sinh

Thị trường phái sinh hoạt động kém hiệu quả vào năm 2021, khi các giao dịch phái sinh trung bình hàng ngày là khoảng 82.873 hợp đồng so với 158.369 giao dịch vào năm 2020.

Trái phiếu

Tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành năm 2021 đạt 595.000 tỷ đồng (+ 30,8% YoY). Tài chính và bất động sản là hai lĩnh vực chiếm số lượng đợt phát hành trái phiếu thành công cao nhất.

Tài khoản cá nhân

Năm 2021 chứng kiến sự tăng về các tài khoản cá nhân với 1,53 triệu tài khoản đã được mở trong khoảng thời gian 12 tháng, tăng 285% so với cùng kỳ năm ngoái

TVS năm 2021

Sơ lược về TVS

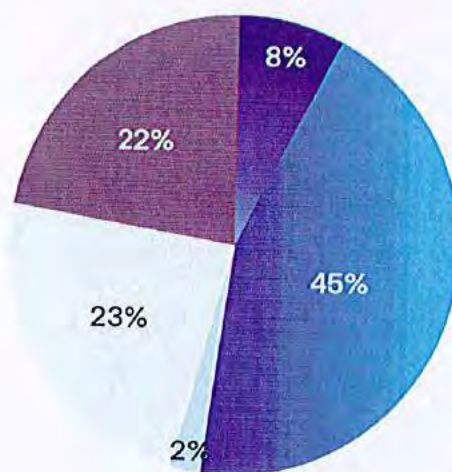
*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

Số	Mã cổ phiếu	Tên	2021 P/B	TTM ROE 31/12/2021	Vốn hoá @ 31/12/2021	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	NPAT (tỷ đồng)
1	TCBS*	Techcom Securities	3.4x	39.60%	31,379	24,530	9,229	3,049
2	VND	VNDIRECT	3.1x	34.90%	30,577	37,095	9,822	2,383
3	TVS	Thien Viet Securities	3.0x	33.70%	5,215	7,187	1,754	516
4	TVB	Tri Viet Securities	1.6x	30.60%	2,240	1,805	1,371	302
5	VDS	Viet Dragon Securities	0.5x	30.30%	3,763	4,033	1,646	427
6	SHS	Sai Gon - Ha Noi Securities	2.2x	30.00%	13,368	10,911	6,056	1,396
7	VCI	Viet Capital Securities	3.0x	27.10%	19,314	16,636	6,542	1,499
8	VIX	VIX Securities	2.1x	27.00%	7,757	4,730	3,762	736
9	CTS	Vietinbank Securities	0.6x	23.80%	3,810	6,686	1,812	387
10	SSI	SSI Securities Corp.	3.1x	22.40%	43,526	50,793	14,220	2,695
11	BSI	BIDV Securities	2.9x	22.00%	4,944	6,005	1,719	357
12	MBS	MB Securities	0.4x	21.50%	8,858	11,047	3,412	587
13	HCM	Ho Chi Minh Securities	2.3x	19.00%	16,879	24,369	7,325	1,147
14	ACBS*	ACB Securities	1.3x	17.60%	5,322	7,608	4,094	541
15	VPBS*	VPS Securities	1.9x	12.40%	14,856	26,856	7,819	796

Năm 2021 là năm vượt trội của TVS khi doanh thu và lợi nhuận đạt mức kỷ lục với ROE là 33,7%, vươn lên top 4 công ty hàng đầu trong ngành. Bộ phận Tự doanh & Quản lý Quỹ đã ghi nhận lợi nhuận 503 tỷ đồng. TVAM báo cáo lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 121 tỷ đồng - tăng 16,3x so với cùng kỳ năm ngoái và mảng Ngân hàng Đầu tư đạt doanh thu 22,7 tỷ đồng và lợi nhuận 1,3 tỷ đồng.

Doanh thu của bộ phận Kinh doanh nguồn vốn là 243 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng lợi nhuận đạt 168 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài tiền gửi có kỳ hạn, TVS còn kinh doanh trái phiếu chính phủ và trái phiếu của các tổ chức tài chính trên thị trường thứ cấp. Dịch vụ môi giới và dịch vụ ký quỹ đạt doanh thu 80,1 tỷ đồng, tăng 91% YoY và lợi nhuận đạt 19,6 tỷ đồng, tăng 136% YoY nhờ điều kiện thị trường thuận lợi và khối lượng giao dịch tăng. ICG công bố doanh thu đạt 13,8 tỷ đồng, tăng 83% so với cùng kỳ năm ngoái.

DOANH THU THEO TỪNG BỘ PHẬN TVS



■ Môi giới ■ Ngân hàng đầu tư ■ Quản lý quỹ
■ Tự doanh ■ Kinh doanh nguồn

*Nguồn tham khảo: dữ liệu của TVS

000 đồng	2021	2020	% Thay đổi
BÁO CÁO LÃI LỖ			
Doanh thu hoạt động	1,042,045	635,319	64.02%
Chi phí hoạt động	(211,277)	(214,617)	-1.56%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,362	826	64.85%
Chi phí hoạt động tài chính	(132,920)	(107,714)	23.40%
Chi phí quản lý	(41,979)	(25,142)	66.97%
Lợi nhuận trước thuế	644,011	288,672	123.09%
Lợi nhuận sau thuế	517,092	232,670	122.24%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ chủ sở hữu	516,929	232,635	122.21%
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Tài sản ngắn hạn	7,145,152	3,892,845	83.55%
Tài sản dài hạn	41,965	18,236	130.12%
Tổng tài sản	7,187,117	3,911,080	83.76%
Nợ phải trả	5,432,205	2,602,903	108.70%
Nợ phải trả ngắn hạn	5,404,529	2,555,702	111.47%
Vay nợ ngắn hạn	3,310,363	2,477,821	33.60%
Vay nợ dài hạn	0	20,000	-100.00%
Tổng vay nợ	3,310,363	2,497,821	32.53%
Vốn chủ sở hữu	1,754,912	1,308,177	34.15%
Vốn điều lệ	1,070,752	982,352	9.00%
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ (%)	33.7%	20.3%	65.72%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)	9.3%	6.7%	37.94%
Hệ số thanh khoản hiện thời	1.32	1.52	-13.22%
Hệ số an toàn tài chính (%)	244%	311%	-27.45%
Cơ cấu vốn			
- Tỷ lệ tổng nợ trên tổng tài sản	0.46	0.64	-27.87%
- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu	1.89	1.91	-1.15%
Chỉ số hoạt động hiệu quả			
- Tỷ lệ vòng quay tổng tài sản	0.14	0.16	-10.84%
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng doanh thu	49.6%	36.6%	35.4%



000 đồng	2021	2020	% Thay đổi
CHỈ SỐ TÍNH TRÊN 1 CỔ PHIẾU			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107,075,184	98,235,174	9.00%
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (Đồng)	4,886	2,343	108.54%
Lợi nhuận pha loãng trên mỗi cổ phiếu (Đồng)	4,886	2,181	124.03%
Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu (Đồng)	16,380	13,317	23.01%
Cổ tức và cổ phiếu thưởng	15%	9%	66.66%
Giá giao dịch cuối cùng (Đồng)	60,500	12,480	384.78%
P/E (x)	12.95	5.50	135.45%
P/B (x)	4.03	1.09	269.7%

Tài sản

Trong năm 2021, tổng tài sản đạt 7.187 tỷ đồng (+ 84% YoY). Tiền và các khoản tương đương tiền trong năm 2021 đạt được 350 tỷ đồng (+169% YoY). Ngoài ra, chúng tôi tăng cường đầu tư vào các tài sản tài chính

ghi nhận thông qua lãi/lỗ với tổng giá trị là 1.640 tỷ đồng (+120% YoY) và các tài sản có thu nhập cố định với tổng giá trị là 4.374 tỷ đồng (+65% YoY).

Nợ và Vốn chủ sở hữu

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn chủ sở hữu đạt 1.755 tỷ đồng (+ 34% YoY) và chiếm 24,4% tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu tăng đều qua các năm do chúng tôi đã sử dụng phần lớn lợi nhuận chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Hoạt động đầu tư của chúng tôi được tài trợ chủ yếu bằng vốn tự có. Ngoài ra, chúng tôi đã tăng nợ ngắn hạn từ năm 2017 đến năm 2021 để phát triển hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ phải trả là 5.432 tỷ đồng (+ 109% YoY) và chiếm 75,6% tổng nguồn vốn. Nợ ngắn hạn tăng lên 3.310 tỷ đồng (+ 34% YoY) để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh vốn như hoạt động tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi. Mặc dù nợ đã tăng lên, nhưng tỷ lệ đòn bẩy dưới ngưỡng an toàn cho ngành môi giới với tỷ lệ nợ phải trả / vốn chủ sở hữu là 3 lần (thấp hơn nhiều so với mức tối đa yêu cầu của pháp luật là 5 lần), hệ số thanh toán hiện hành là 1,3 lần và hệ số an toàn tài chính là 244%, cao hơn mức quy định, an toàn là 180%.

Ngân hàng đầu tư

2021 vẫn là năm thách thức đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng đầu tư khi đại dịch Covid lan rộng trên toàn quốc. Nhiều thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã bị ảnh hưởng nặng nề khi giãn cách xã hội nghiêm ngặt được áp dụng trong vài tháng. Nhiều nhà đầu tư của chúng tôi không thể đến Việt Nam để tham gia vào các hoạt động soát xét. Tuy

nhiên, IB đã kết thúc năm với một kết quả hoạt động ổn định, khi hoàn thành thành công sáu thương vụ, bao gồm tư vấn mua bán và sáp nhập, và huy động vốn chủ sở hữu / nợ cho khách hàng của chúng tôi. Điều này một phần nhờ vào TVS là một cố vấn đáng tin cậy, với mong muốn thu hẹp khoảng cách giữa kiến thức thực tế và kỳ vọng giữa các bên liên quan khác nhau.

CÁC GIAO DỊCH NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ CỦA CHÚNG TÔI VÀO NĂM 2021:

1. Giao dịch M&A trong lĩnh vực fintech
2. Giao dịch M&A trong lĩnh vực dịch vụ tài chính
3. Huy động vốn trong lĩnh vực fintech
4. Phát hành nợ trong lĩnh vực truyền thông & giải trí, dịch vụ tài chính
5. Huy động vốn trong lĩnh vực công nghệ giáo dục
6. Tư vấn bên bán trong lĩnh vực di truyền

Giá trị không được tiết lộ

Giao dịch M&A trong lĩnh vực fintech

Bên bán



Bên mua



Giá trị không được tiết lộ

Giao dịch huy động vốn trong lĩnh vực fintech

Bên bán



Bên mua



Giá trị không được tiết lộ

Giao dịch M&A trong lĩnh vực dịch vụ tài chính

Bên bán



Bên mua



Giá trị không được tiết lộ

Giao dịch huy động vốn trong lĩnh vực edtech

Bên bán



Bên mua



6.5 triệu đô la

Giao dịch huy động vốn trong lĩnh vực truyền thông giải trí

Bên bán



Bên mua



Giá trị không được tiết lộ

Giao dịch huy động vốn trong lĩnh vực di truyền

Bên bán



Bên mua

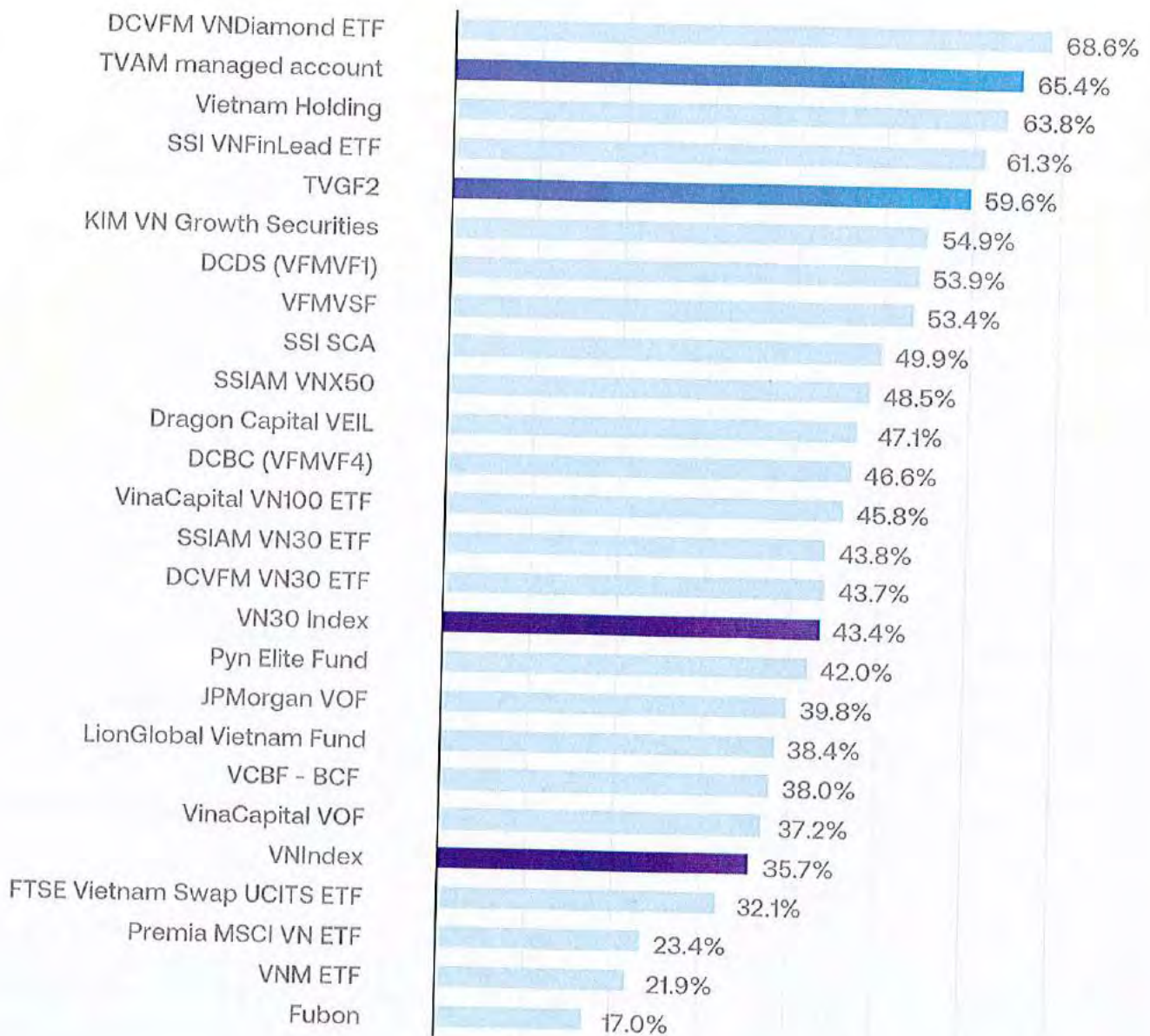


Quản lý quỹ

Năm 2021, tài sản ủy thác tại TVAM tăng 297% nhờ vào sự tin tưởng của khách hàng. Lợi nhuận sau thuế đạt 118 tỷ đồng, tăng 1.637%. Mức sinh lời 12 tháng

của các quỹ trực thuộc tăng trung bình 65% so với mức 35,7% của VN- Index trong năm 2021.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ TVAM SO VỚI CÁC CÔNG TY CÙNG NGÀNH



*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

Năm 2021 là một năm đặc biệt đối với thị trường chứng khoán khi đón nhận dòng tiền mạnh mẽ từ các nhà đầu tư cá nhân đi kèm chính sách nới lỏng tiền tệ. Tận dụng xu hướng tăng mạnh của thị trường chứng khoán và thực hiện chiến lược đầu tư giá trị, TVAM đã đầu tư vào các lĩnh vực chịu ít ảnh hưởng nặng nề nhất của

đại dịch. Theo đó, chúng tôi tập trung vào các công ty có hoạt động ổn định, được hưởng lợi từ gói kích cầu của chính phủ và các ngành có cơ hội hưởng lợi cao nhất sau khi mở cửa lại nền kinh tế, chẳng hạn như vận tải, bất động sản, ngân hàng và xây dựng.

MỘT SỐ GIAO DỊCH ĐÁNG CHÚ Ý MANG LẠI LỢI NHUẬN CAO CHO CÁC QUỸ

45% DXG Bất động sản	35% PVT Vận tải dầu khí	74% FPT Viễn thông	35% POW Sản xuất điện	75% MWG Bán lẻ
-----------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------	------------------------------------	-----------------------------

NĂM 2021, TVAM ĐÃ CÓ CÁC CỘT MỐC SAU:

- Năm 2021 chúng tôi đã thanh lý Quỹ đầu tư tăng trưởng 1 (TVGF1) với hiệu suất đầu tư 139,34% sau năm năm hoạt động (Quỹ được hoạt động vào năm 2016). Trong quá trình hoạt động TVGF1 đã thanh toán 50% (trên mệnh giá) cổ tức tiền mặt, tương đương 5.000 đồng / chứng chỉ quỹ.
- Huy động thành công quỹ đóng mới TVGF3 với tài sản 199 tỷ đồng và thời hạn hoạt động 5 năm.
- Thanh lý quỹ tăng trưởng Thiên Việt 2 (TVGF2), một quỹ đóng, ra mắt vào đầu năm 2018 với quy mô quỹ là 170 tỷ đồng và thời gian hoạt động 4 năm với mức sinh lời hơn 95% và là một trong những quỹ hoạt động tốt nhất trên thị trường. Ngoài ra, trong 4 năm hoạt động, TVGF2 đã 2 lần trả cổ tức bằng tiền mặt cho nhà đầu tư với tổng tỷ lệ 70% (7.000 đồng / chứng chỉ quỹ).

Tài sản Thu nhập cố định

Thành tựu năm 2021: tài sản đang quản lý tăng trưởng nhanh đạt 3.500 tỷ đồng, với lợi suất hàng năm lên đến 8%

Thời gian đáo hạn bình quân <2 năm




Đầu tư công ty tư nhân - Ngân hàng đầu tư

Thương vụ đầu tư thành công năm 2021:



Fintech (Finhay), lĩnh vực giáo dục (MindX), Galaxy Entertainment & Education và Chăm sóc sức khỏe (Nhi Đồng 315). Hai công ty trong danh mục đầu tư của chúng tôi đạt được những cột mốc quan trọng, MoMo được



công nhận là kỳ lân thứ 4 của Việt Nam và Finhay, nền tảng quản lý tài sản kỹ thuật số tiên phong và số một Việt Nam, đã huy động vòng Series B thành công với lượng đăng ký tham gia vượt kỳ vọng của các nhà đầu tư.

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TY TƯ NHÂN

2021	
3 triệu đô la	
Mục tiêu	
Bên mua	  & Khác

2021	
3 triệu đô la	
Mục tiêu	
Bên mua	  

2021	
Giá trị không được tiết lộ	
Mục tiêu	
Bên mua	

2021	
Giá trị không được tiết lộ	
Mục tiêu	
Bên mua	

Tự doanh – TVS

Năm 2021, lợi nhuận từ danh mục tự doanh đạt 353 tỷ đồng (chiếm 51% tổng lợi nhuận trước thuế của công ty), đạt tỉ suất 65,4%, so với mức 37,5% của chỉ số VN-index, đứng thứ hai trong các quỹ hoạt động trên thị trường. 2021 cũng là một năm chúng tôi ghi nhận giá trị tài sản thuần và lợi nhuận sau thuế cao nhất trong lịch sử hoạt động của TVS.

HIỆU SUẤT ĐÁNH BẠI THỊ TRƯỜNG

65,4% TVS vs **37,5%** VN-index

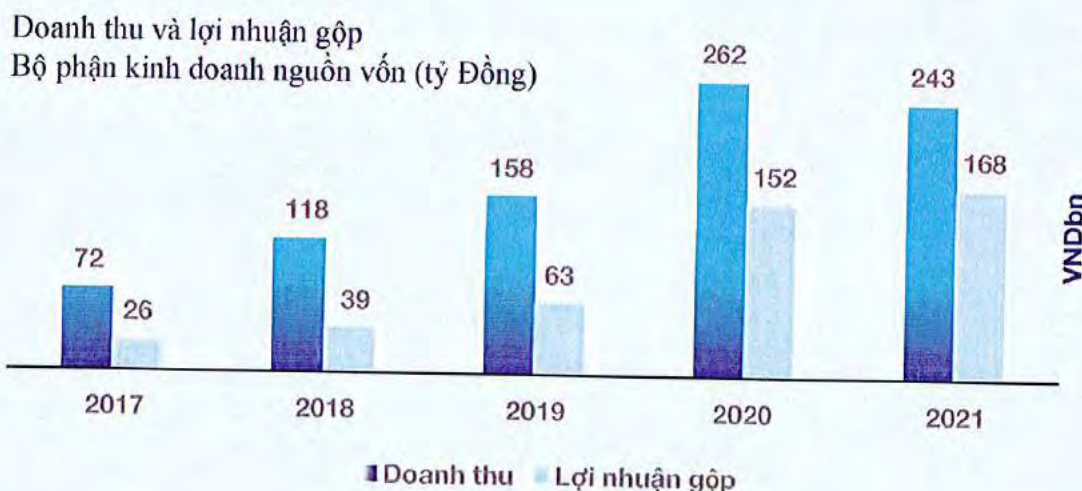
Môi giới

Năm 2021, khối môi giới của chúng tôi ghi nhận tổng doanh thu thuần là 80,1 tỷ đồng và lợi nhuận kinh doanh 19,3 tỷ đồng. Trên thị trường, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên toàn thị trường là 21.729 tỷ đồng. Thị trường giảm mạnh vào quý đầu năm nên giá trị giao dịch tương đối thấp, khoảng 15.685 tỷ đồng. Tuy nhiên, khi thị trường phục hồi, giá trị giao dịch

hàng ngày tăng lên mức bình quân 21.541 tỷ đồng trong quý 2 và 3. Quý 4 năm 2021 có sự cải thiện đáng kể khi sức hút của thị trường chứng khoán Việt Nam tăng mạnh, với lượng tài khoản mở mới tăng mạnh, thanh khoản tăng vọt lên 27.401 tỷ đồng. 33% trong tổng số giao dịch được thực hiện vào quý cuối cùng của năm 2021.

Kinh doanh nguồn vốn

Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng mạnh từ năm 2017 đến năm 2021, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 35,8% Năm 2021. Doanh thu của Bộ phận Kinh doanh nguồn vốn đạt 243 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay là 168 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2020.



*Nguồn tham khảo: dữ liệu của TVS

Khách hàng tổ chức

Năm 2021 là một năm thành công đối với Khối khách hàng tổ chức (ICG) khi chúng tôi tăng trưởng doanh thu đáng kể, tiếp tục xây dựng đội ngũ của chúng tôi với hai nhân viên mới và bổ sung một số tài khoản tổ chức quan trọng.

Doanh thu của ICG tăng 83% lên 13,8 tỷ đồng khi chúng tôi chuyển hướng từ việc tập trung các giao dịch khối lượng lớn sang các giao dịch thường xuyên, nhờ vào cơ hội phát sinh từ các vấn đề kỹ thuật trên sàn giao dịch. Số tài khoản khách hàng tổ chức của chúng tôi đã tăng 90% trong năm vừa qua.

90% ↑

Tài khoản khách hàng tổ chức

Năm 2021 là một năm đầy thách thức do Covid. Chúng tôi đã phải bố trí nhân sự làm việc ở nhà. Giãn cách xã hội và hạn chế đường đi lại đã tạo ra rào cản cho việc thâm định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và trong nước.

Phân tích

Bộ phận Phân tích đã bổ sung một thành viên mới vào năm 2021 với hơn hai mươi năm kinh nghiệm giao dịch trong ngành năng lượng. Nhóm đã làm việc chặt chẽ với ICG để hỗ trợ dữ liệu trên thị trường Việt Nam,

phân tích cổ phiếu và khuyến nghị, đồng thời thực hiện nghiên cứu và trao đổi ở cấp liên bộ phận, đảm bảo TVS có những phân tích thị trường mới nhất.

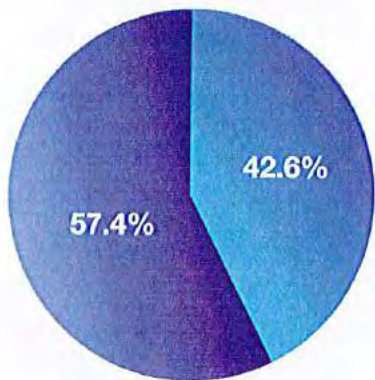


Cơ cấu cổ đông

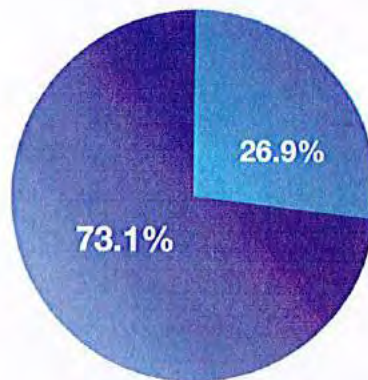
TVS chỉ có cổ phần phổ thông, không có cổ phần nào thuộc sở hữu của Nhà nước. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, TVS có 107.075.184 cổ phiếu phổ thông.

Cơ cấu cổ đông

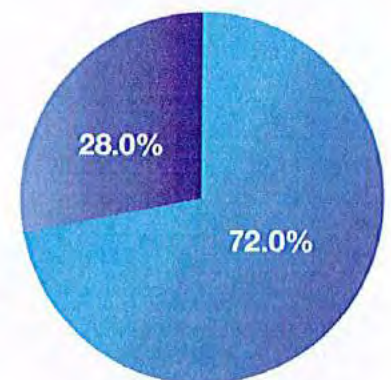
*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS



■ Cổ đông lớn
■ Cổ đông nhỏ



■ Cổ đông tổ chức
■ Cổ đông cá nhân



■ Cổ đông trong nước
■ Cổ đông nước ngoài

Danh sách cổ đông nội bộ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU 31/12/2021
Hội đồng quản trị		
1. Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	29,84%
2. Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	4,9%
3. Ông Terrance Ting	Phó Chủ tịch	0,0%
4. Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	0,0%
5. Ông Phan Minh Tâm	Thành viên	0,0%
6. Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	1,26%
7. Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	0,0%
8. Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	0,82%
Ban kiểm soát		
1. Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	0,0%
2. Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	0,16%
3. Bà Đồng Thị Phương Liên	Thành viên	0,0%
Ban giám đốc		
1. Bà Nguyễn Thanh Thảo	Tổng giám đốc	0,82%
2. Ông Lê Quang Tiến	Kế toán trưởng	0,4%

Báo cáo quản trị



11/2012

Công tác từ thiện

Năm 2021, TVS đã quyên góp tổng cộng 680.000 USD để chống lại đại dịch Covid. Số tiền này chủ yếu được dùng để cung cấp thiết bị y tế và các thiết bị cần thiết khác cho các y bác sĩ và nhân viên phục vụ tuyến đầu và các tình nguyện viên tại Thành phố Hồ Chí Minh. Một phần trong đó được trích ra

cho thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác để hỗ trợ thành phố trong thời gian giãn cách xã hội nghiêm ngặt. Ngoài ra chúng tôi cũng rất ý thức về môi trường ngày càng tăng về biến đổi khí hậu và cố gắng hết sức để điều hành công ty thân thiện với môi trường nhất có thể.

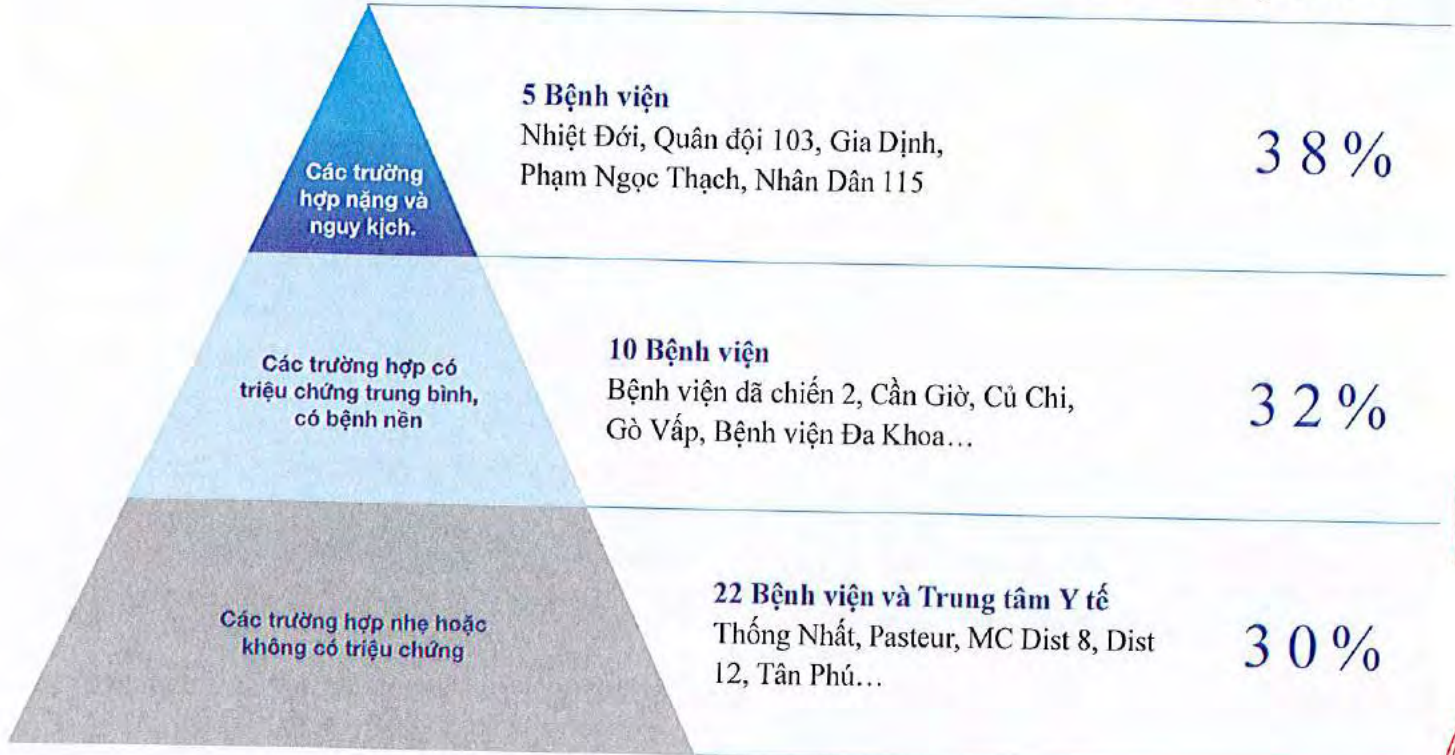
THIẾT BỊ ĐƯỢC TVS TẶNG:

- 4 máy thở xâm nhập (Savina 300 Select và Classic; Oxylog VE300)
- 1 máy điện tâm đồ với 12 que
- 70 Máy tạo oxy Owgels và Yumao
- 21 màn hình bệnh nhân với 5 thông số
- 110 máy bơm phun điện
- 200 máy đo nồng độ oxy Jumper
- 100 máy đo huyết áp điện tử Microlife
- 100 nhiệt kế điện tử
- 45 bình oxy 40 lít và 100 xe đẩy bình oxy
- 200 van đồng hồ đo oxy và 6.000 mặt nạ thở
- 3 hệ thống oxy treo tường
- 170.000 khẩu trang N95 (15.000 3M 1870)
- 20.000 bộ quần áo bảo hộ
- 6.000 lít chất khử trùng cồn



37 BỆNH VIỆN VÀ TRUNG TÂM Y TẾ

\$540,000



\$680,000



\$540,000

Hỗ trợ y tế cho Bệnh viện & Trung tâm Y tế



Thiết bị y tế
\$270,000



Thiết bị bảo hộ
\$61,000



Mặt nạ
\$52,000



Bơm tiêm điện tử
\$104,000



Khử trùng
\$52,000



\$140,000

9,399 gói thực phẩm

Về phía nhân viên của chúng tôi

Số nhân sự của TVS tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 86 người. Con người là tài sản quý giá nhất mà chúng tôi có và chính sách khen thưởng nhân sự của chúng tôi đề cao sự sáng tạo, tư duy và tinh thần làm việc chăm chỉ.

Đa dạng giới tính

Tại TVS, chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng một lực lượng lao động cân bằng giới tính sẽ tạo ra sự đa dạng rất cần thiết và gia tăng động lực phát triển cho các công ty hiện đại. Ngày càng có nhiều nghiên cứu ra đời nhằm hỗ trợ phụ nữ tham gia vào hoạt động kinh doanh và đầu tư ở cấp độ cao nhất. Tại TVS, chúng tôi cam kết thực hiện các chủ trương của mình, với sự

đại diện của phụ nữ ở tất cả các cấp quản lý và vị trí của công ty từ Hội đồng quản trị đến Giám đốc điều hành. Chúng tôi không phân biệt giới tính khi đưa ra các quyết định tuyển dụng và tự hào điều này đã luôn mang lại hiệu quả hoạt động cho chúng tôi. Chúng tôi tự hào rằng điều này đã phát triển một cách tự nhiên và hoạt động rất hiệu quả cho đại gia đình TVS.



Môi trường làm việc

TVS luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hòa đồng và tích cực. Tất cả nhân viên đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết để hoàn thành xuất sắc công việc. Nhân viên công ty làm từ thứ 2 đến thứ 6 theo tiêu chuẩn 5 ngày mỗi tuần và được nghỉ phép theo quy định của Bộ luật Lao động. Tất cả những yếu tố trên là lí do khiến người lao động gắn bó với công ty, số lượng nhân viên làm việc tại TVS với hơn 5 năm thâm niên chiếm tỷ lệ trên 70%.

Chính sách lương thưởng và phụ cấp

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi được ban hành theo quy định của Bộ luật lao động. Ngoài khoản lương cơ bản cố định, TVS còn thưởng hàng năm dựa trên kết quả hoạt động của công ty/bộ phận và đóng góp của cá nhân. Công ty cũng xây dựng chính sách phụ cấp như: phụ cấp ăn trưa, phụ cấp điện thoại, tàu xe, công tác.

Chính sách chăm sóc toàn diện

Bên cạnh việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, Công ty còn mua thêm bảo hiểm "Kết hợp tai nạn con người và chăm sóc sức khỏe" dành cho người lao động. Tham gia bảo hiểm này, người lao động có thể khám chữa bệnh ngoại trú, được thăm khám tại các cơ sở y tế hàng đầu tại Việt Nam, tạo cho người lao động sự yên tâm và tập trung vào công tác.

Để gắn kết các cán bộ nhân viên trong Công ty, hàng năm, TVS tổ chức các chương trình giao lưu như Tiệc công ty, chương trình nghỉ mát thường niên, v.v để các thành viên trong Công ty cùng gia đình có cơ hội gặp mặt, chia sẻ và quan tâm lẫn nhau. Những chương trình này đã thực sự là cầu nối đưa mọi người lại gần nhau hơn.

Chính sách đào tạo

Ban lãnh đạo TVS rất quan tâm tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các nhân viên mới gia nhập TVS được hướng dẫn, đào tạo tận tình các kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc và sử dụng hệ thống kỹ thuật tại TVS.

Hàng năm, TVS dành một ngân sách nhất định để hỗ trợ cho các nhân viên nòng cốt tham dự các khoá đào tạo nâng cao về chuyên môn, quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế như:

- Các khóa học do Trung tâm đào tạo của UBCK tổ chức.
- Khóa đào tạo chuyên môn về kiểm toán, công nghệ thông tin
- Được hỗ trợ thi lấy chứng chỉ ACCA, CFA,...

Tầm nhìn 2022



2022

57%

89%

43.21

72.66

99.96

+9.91

-87.12

+7.01

-54.23

+4.59

-26.34

33
P
G
N

Bộ phận

Ngân hàng đầu tư

Bước sang năm 2022, nền kinh tế được kỳ vọng sẽ phục hồi và đạt mức tăng trưởng GDP 6,5% theo ước tính của Chính phủ. Chúng tôi hy vọng sẽ có một năm khởi sắc nữa đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng

đầu tư của mình. Là một trong những mảng kinh doanh cốt lõi của chúng tôi, nhóm Ngân hàng Đầu tư quyết tâm liên tục củng cố năng lực và mở rộng cấu trúc các giao dịch trên nhiều loại tài sản khác nhau với trọng tâm là lĩnh vực công nghệ.

Tự doanh - Ngân hàng đầu tư

Vào năm 2022, chúng tôi kỳ vọng các công ty trong danh mục đầu tư của mình sẽ tận dụng sự phục hồi kinh tế của Việt Nam để tiếp tục dẫn đầu trong các lĩnh vực hoạt động của họ.

Tự doanh - TVAM

Chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn nhiều cơ hội đầu tư đầy hứa hẹn, với ba yếu tố chính. Thứ nhất, nền kinh tế sẽ phục hồi từ mức thấp vào năm 2021, dẫn đến tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022 dự báo đạt 6,5%. Thứ hai, Việt Nam tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và lãi suất thấp để giúp các doanh nghiệp hoạt động trở lại bình thường, và cuối cùng, chúng tôi tin rằng số lượng tài khoản giao dịch mới sẽ tiếp tục tăng lên.

Ngược lại, ba thách thức chính bao gồm việc hầu hết các ngân hàng trung ương trên thế giới đang chuẩn bị tăng lãi suất để chống lạm phát, gây áp lực buộc ngân hàng trung ương Việt Nam phải tăng lãi suất; Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách "Zero Covid", ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam và mối đe dọa bao trùm từ các biến thể Covid mới.

Chúng tôi nhận thấy thị trường có nhiều cơ hội vào năm 2022, nhưng mức tăng trưởng sẽ ở mức vừa phải so với năm 2021. Do đó, chúng tôi dự báo chỉ số VN-Index sẽ tăng trưởng khoảng 10% vào năm 2022, với các ngành cụ thể vượt trội so với các ngành còn lại.

Quản lý quỹ

ĐỊNH HƯỚNG 2022

TVAM kỳ vọng năm 2022 sẽ có nhiều thách thức hơn so với năm 2021 do định giá cao của thị trường chứng khoán và các chính sách thắt chặt tiền tệ toàn cầu để

kiểm chế lạm phát. Tuy nhiên, nhóm vẫn có kế hoạch đạt được lợi nhuận 12% cho tất cả các quỹ và tài khoản dựa trên các yếu tố sau:

1

Thu nhập của các công ty niêm yết được dự báo tăng trưởng xấp xỉ 20% trong điều kiện hiện nay khi đại dịch được kiểm soát với tỷ lệ tiêm phòng cao và kết thúc giãn cách xã hội.

2

Nền kinh tế được kỳ vọng sẽ phục hồi vào năm 2022 với tốc độ tăng trưởng GDP trên 6%, được hỗ trợ bởi sự gia tăng dòng vốn FDI, hoạt động xuất khẩu, giải ngân đầu tư công, các hiệp định thương mại và các gói kích thích kinh tế của Chính phủ.

3

Lạm phát và tỷ giá hối đoái sẽ được kiểm soát tốt trong suốt năm 2022.

4

Trong môi trường lãi suất thấp, dòng tiền vào thị trường chứng khoán vẫn mạnh, kèm theo sự quay trở lại của dòng vốn nước ngoài.

CHIẾN LƯỢC

Vào năm 2022, nhóm sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư giá trị, trong đó tập trung vào các cổ phiếu bị định giá thấp trong các ngành có tăng trưởng và công ty trong ngành có tiềm năng tăng thu nhập trong tương lai hơn 20%. Một số lĩnh vực có khả năng đầu tư sẽ là bất động sản, dầu khí, hàng tiêu dùng, xây dựng và vận tải.

TVAM cũng sẽ huy động một quỹ mới lớn hơn, TVGF4, để thay thế TVGF2 với quy mô quỹ mục tiêu là 400 tỷ đồng và thời hạn hoạt động 5 năm. Chúng tôi cũng sẽ điều chỉnh tỷ lệ giữa cổ phiếu, sản phẩm có thu nhập cố định và phân bổ giữa các lĩnh vực để tối đa hóa lợi nhuận danh mục đầu tư tùy thuộc vào điều kiện thị trường chứng khoán.

TRÁI PHIẾU

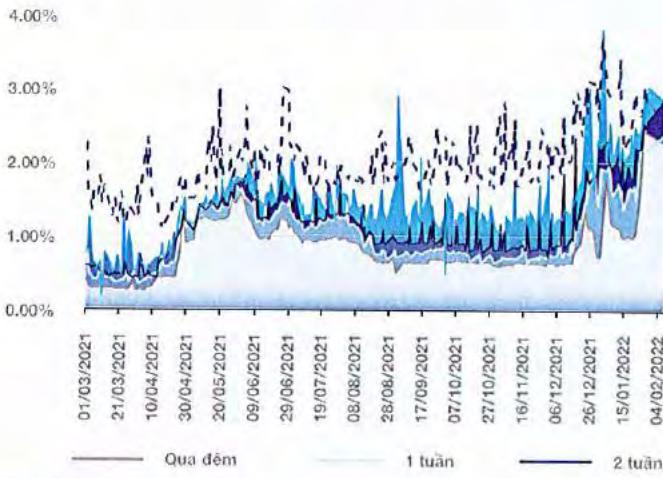
Triển vọng tăng trưởng tín dụng và lãi suất năm 2022

Tăng trưởng tín dụng dự kiến cho năm 2022 là 14% tương đương năm 2021, mặc dù nó sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thị trường. Đầu tư công về cơ bản được dự đoán sẽ thúc đẩy phục hồi và tăng trưởng, trong đó thâm hụt ngân sách có thể sẽ tác động đến môi trường lãi suất.

Mặt bằng lãi suất thấp cũng được coi là một yếu tố để kích cầu tín dụng. Theo NHNN, lãi suất cho vay giảm 1% vào năm 2020 và xu hướng này tiếp tục trong suốt năm 2021 với mức giảm khoảng 1,5% và lãi suất huy động luôn ở mức thấp. Tuy nhiên, nhiều khả năng hệ thống ngân hàng sẽ dành nguồn lực để xử lý nợ xấu, do đó, dư địa cho việc giảm lãi suất là rất ít.

Lạm phát cao trong năm 2022 sẽ gây áp lực lên các chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương, có thể đẩy lãi suất lên cao hơn.

Lãi suất liên ngân hàng



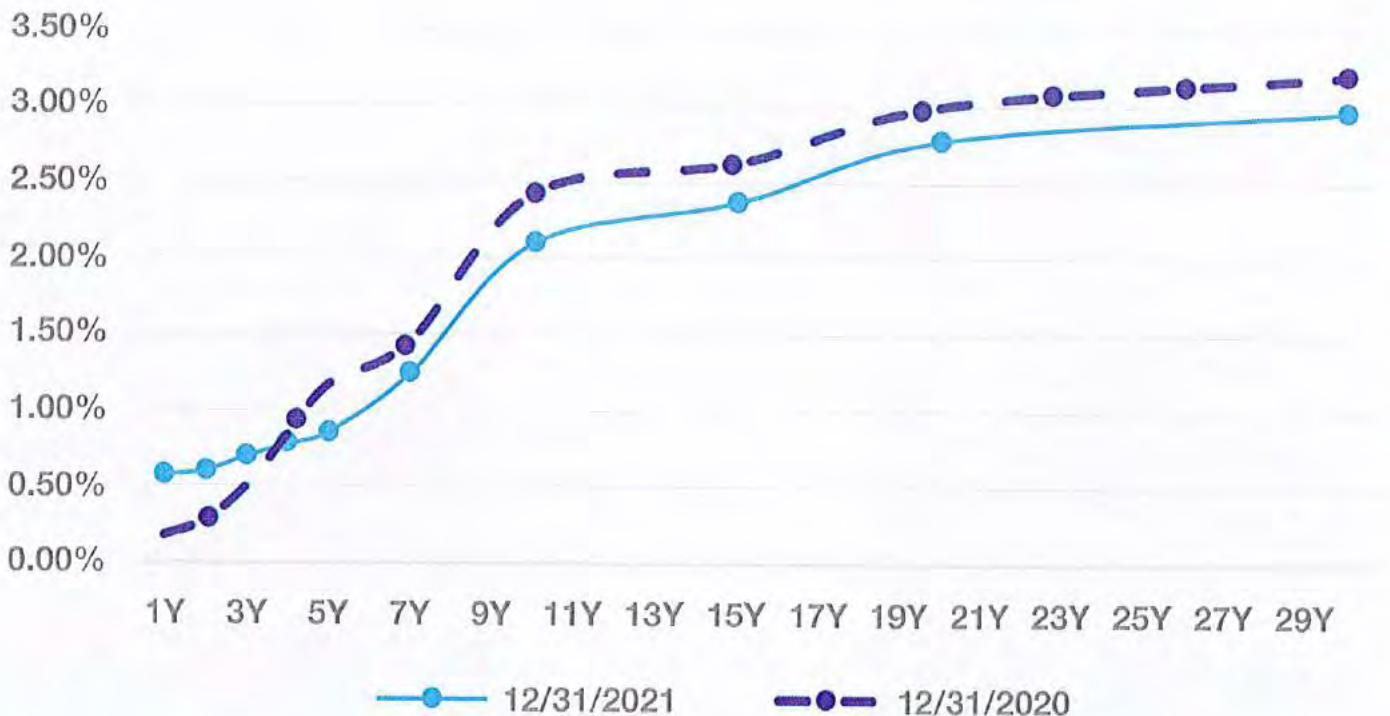
*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2022

Các ngân hàng trung ương toàn cầu sẽ kết thúc giai đoạn tiền rẻ, khi Fed đã cho thấy các dấu hiệu tăng lãi suất thì các ngân hàng trung ương khác phải điều chỉnh cho phù hợp khi nguy cơ lạm phát hiện hữu.

Fed chắc chắn sẽ tác động đến chính sách tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương trong bối cảnh thắt chặt toàn cầu. Chúng ta nên kỳ vọng lãi suất cơ bản sẽ tăng nhẹ ít nhất là 30 điểm cơ bản. Kế hoạch phát hành của Chính phủ dự kiến đạt khoảng 400 nghìn tỷ đồng, +7% YoY, tập trung vào các kỳ hạn 10 năm và 15 năm. Lợi tức trái phiếu cũng nên tăng 50-100 điểm cơ bản.

Đường cong lãi suất



*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

Khôi môi giới tổ chức (ICG)

Năm 2022 được kỳ vọng là một năm thách thức, do một số cơ hội vào năm 2021 không còn nữa. ICG dự kiến sẽ tập trung chủ yếu vào các cơ hội giao dịch khối lượng lớn cũng như thêm các tài khoản mới. Chúng

tôi kỳ vọng năm 2022 sẽ là một năm phát triển với các sản phẩm mới và mở rộng đội ngũ.

Phân tích

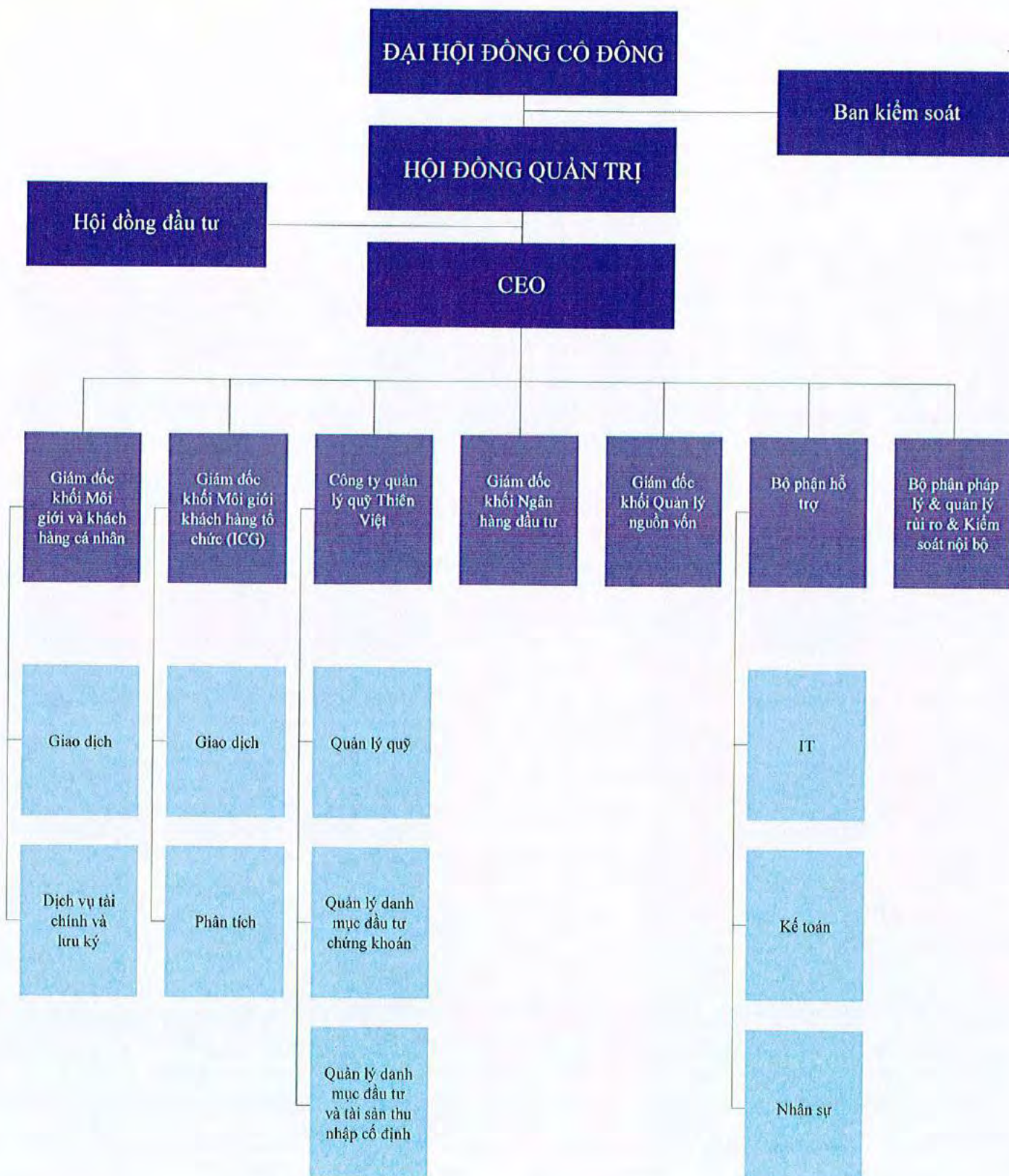
Bước sang năm 2022, Nhóm Phân tích sẽ tập trung nghiên cứu các ngành và khuyến nghị cổ phiếu, làm việc với ICG và hỗ trợ hỗ trợ phân tích giữa các bộ phận. Trong năm chúng tôi bổ sung thêm hai nhân viên mới, phản ánh tốc độ phát triển nhanh chóng của

TVS trong 12 tháng qua. Những nhân viên mới sẽ giúp nhóm hiện tại tiến hành đánh giá sâu hơn và rộng hơn về thị trường hiện tại và cuối cùng là phục vụ khách hàng của chúng tôi tốt hơn với lời khuyên đầu tư có mục tiêu.



11/2021 10/2021 9/2021 8/2021 7/2021 6/2021 5/2021 4/2021 3/2021 2/2021 1/2021

Cơ cấu tổ chức



2011
10
10
10
10

Hội đồng quản trị



Nguyễn Trung Hà

Chủ tịch HĐQT

Ông Hà là một trong những người sáng lập TVS và hiện là Chủ tịch HĐQT công ty. Sở hữu danh mục đầu tư có hơn 30 công ty, ông được thừa nhận là nhà tư tưởng chiến lược nổi bật với nhiều kinh nghiệm đầu tư tại Việt Nam.

Trước TVS, ông là người sáng lập FPT năm 1988, ông giữ chức vụ Trưởng phòng Chiến lược trong nhiều năm. Ông cũng là người sáng lập Ngân hàng Á Châu (ACB), hiện là ngân hàng thương mại tư nhân lớn nhất Việt Nam. Ông lấy bằng Cử nhân tại Đại học Tổng hợp Moscow ở Nga.



Đinh Thị Hoa

Phó chủ tịch HĐQT

Bà Hoa là một trong những người sáng lập TVS và hiện là Phó Chủ tịch HĐQT công ty. Bà cũng là người sáng lập và hiện là Chủ tịch của Galaxy Group, một trong những tập đoàn truyền thông và giải trí thành công nhất và lớn nhất tại Việt Nam.

Hiện bà đang là thành viên hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) và bà cũng thực hiện các khoản đầu tư thiên thần vào các công ty khởi nghiệp trong nước. Bà có bằng Cử nhân Đại học Tổng hợp Moscow ở Nga và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trường Kinh doanh Harvard ở Hoa Kỳ.



Terrence Ting

Phó chủ tịch HĐQT

Ông Terry, thành viên HĐQT độc lập của TVS, gia nhập công ty năm 2021 với tư cách là Phó Chủ tịch để lãnh đạo mảng đầu tư công nghệ.

Trước khi làm việc cho TVS, ông đồng lãnh đạo doanh nghiệp đầu tư cổ phần tư nhân Tybourne Capital ở Hồng Kông, và hiện vẫn là Cố vấn cho Tybourne. Ông có 11 năm làm việc tại Goldman Sachs ở Hồng Kông, lãnh đạo nhóm cổ phần tư nhân và tập trung đầu tư tăng trưởng ở Trung Quốc, Đài Loan và trên các thị trường được chọn ở Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam. Terry lấy bằng Cử nhân và Thạc sĩ tại Đại học Cornell ở Hoa Kỳ.



Nguyễn Thanh Thảo

Thành viên

Bà Thảo gia nhập TVS từ năm 2007 với vị trí Trưởng phòng Nghiên cứu. Bà là Giám đốc điều hành của TVS từ năm 2013 và Giám đốc điều hành, Trưởng văn phòng TVS tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2008.

Trước TVS, bà là Chuyên viên phân tích tài chính cấp cao tại Ameriquest Capital Holdings, một trong những công ty cho vay thế chấp lớn nhất tại Mỹ. Trước đó, bà là Giám đốc Văn phòng Pháp lý của Liebovitz & Do, một công ty luật có trụ sở tại California, Hoa Kỳ. Bà lấy bằng Cử nhân Đại học Ngoại giao Moscow ở Nga và bằng MBA ở California, Hoa Kỳ.

30
16
P
3
N
1
0



Phan Minh Tâm

Thành viên

Ông Tâm tham gia HĐQT TVS năm 2010. Ông là thành viên HĐQT độc lập của TVS.

Ông cũng là Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành của Simple Tech Investment Holding Group (STI), tập đoàn đầu tư và điều hành nhiều lĩnh vực kinh doanh trên các lĩnh vực truyền thông, ô tô, giáo dục, công nghệ và nhân sự. Ông là một trong những người sáng lập Công ty Cổ phần Quảng cáo Trực tuyến 24H, một trong những công ty quảng cáo trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam. Ông tốt nghiệp Cử nhân Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.



Nguyễn Nam Sơn

Thành viên

Ông Sơn tham gia HĐQT TVS năm 2010. Ông là thành viên HĐQT độc lập của TVS.

Trước khi thành lập Vietnam Capital Partners (quỹ và ngân hàng đầu tư của ông) vào năm 2009, ông là Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư của Citigroup Việt Nam. Trước đó, ông là giám đốc ngân hàng đầu tư của Salomon Brothers và Citigroup trong 14 năm, trong đó có 5 năm ở New York và 8 năm ở Hồng Kông, nơi ông là Giám đốc mảng Công nghệ, Truyền thông, Viễn thông Châu Á. Ông lấy bằng Cử nhân tại Đại học Colorado và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Kinh doanh Harvard ở Hoa Kỳ.



Bùi Thị Kim Oanh

Thành viên

Bà Oanh tham gia HĐQT TVS từ những ngày đầu và là thành viên Ban Đầu tư của TVS và TVAM từ khi thành lập.

Bà đã có 20 năm kinh nghiệm quản lý quỹ và quản lý một số quỹ như Vietnam Equity Fund, Finansa Vietnam Fund và New Finasa Vietnam Balanced Fund. Trước đó, bà đã làm việc cho Tổng Công ty Bảo hiểm Quốc gia Bảo Việt trong 8 năm. Bà lấy bằng Cử nhân Đại học Humbolt ở Đức và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Học viện Công nghệ Châu Á ở Thái Lan.



Nguyễn Thành Nam

Thành viên

Ông Nam tham gia vào HĐQT TVS năm 2019. Ông là thành viên độc lập của TVS.

Ông hiện là Cố vấn Sáng tạo cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị FPT và Phó Chủ tịch Khối Giáo dục FPT. Trước đó, ông là một trong những người sáng lập FPT và là cựu TGD FPT Software. Ông cũng thành lập FUNiX, trường đại học trực tuyến đầu tiên của Việt Nam. Ông lấy bằng Cử nhân và Tiến sĩ tại Đại học Tổng hợp Moscow ở Nga.

111
i
H
K
V
17

Hoạt động của HĐQT

HĐQT giám sát quá trình hoạt động và quản lý của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thông qua các cuộc họp thường kỳ, Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ để đảm bảo việc quản lý và hoạt động của Tổng Giám đốc tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

Tổng Giám đốc sẽ báo cáo cho Hội đồng quản trị thường xuyên, định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị về các hoạt động đầu tư, môi giới, tự doanh, tư vấn tài chính, quản lý vận hành, tài chính, nhân sự và quản lý rủi ro của Công ty.

Trong năm 2021, HĐQT TVS đã tổ chức 14 cuộc họp để thảo luận về các vấn đề sau:

- Cập nhật Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT đã được ĐHCĐ thông qua, tỷ lệ sở hữu nước ngoài
- Xem xét và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
- Thực hiện kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2020
- Đề xuất năm 2020 cổ tức bằng tiền mặt (6%), cổ tức bằng cổ phiếu (7,4%) và cổ phiếu thưởng (1,6%) để ĐHCĐ thông qua
- Xem xét, phê duyệt kế hoạch đầu tư và nguồn vốn cho năm 2021.
- Lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán với EY cho năm tài chính 2021
- Tăng cường hoạt động quản lý và kiểm soát rủi ro
- Hoạt động kinh doanh phát sinh trên thị trường phái sinh
- Chấp thuận sở hữu nước ngoài tại TVS
- Chấp thuận về việc thay đổi địa chỉ Trụ sở chính của TVS
- Phê duyệt hạn mức cho vay và được cấp bảo lãnh khoản vay nước ngoài tại Ngân hàng
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ
- Bổ sung nguồn nhân lực cần thiết cho các hoạt động phát triển của TVS

Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Ban đầu tư (“IC”) dưới sự kiểm soát của Hội đồng quản trị, thảo luận và quyết định các vấn đề về hoạt động đầu tư và ngân quỹ của Công ty. Để tăng cường năng lực của IC, HĐQT đã bổ nhiệm ông Terence Ting, người có kinh nghiệm lâu năm với Goldman Sachs và các quỹ đầu tư lớn vào IC làm Chủ tịch.

Năm 2021, IC tăng cường đầu tư và hoạt động ngân quỹ Quản lý rủi ro chịu sự kiểm soát của HĐQT, cập nhật chính sách và khẩu vị rủi ro cho TVS.

Bộ phận Quản lý rủi ro đã cập nhật danh sách các rủi ro quan trọng được ghi nhận, kế hoạch hành động và kết quả giám sát cho Tiểu ban Quản lý rủi ro.

Hội đồng đầu tư

Hội đồng đầu tư có quyền quyết định đầu tư và phân bổ vốn. Hội đồng Đầu tư bao gồm các thành viên sau:

- Ông Nguyễn Trung Hà
- Bà Đinh Thị Hoa
- Bà Nguyễn Thanh Thảo
- Bà Bùi Thị Kim Oanh
- Ông Terrence Ting

Quản trị rủi ro

Bộ phận Quản trị Rủi ro có nhiệm vụ điều chỉnh khẩu vị và chính sách rủi ro cho TVS. Định kỳ sáu tháng, bộ phận Quản trị rủi ro gửi danh sách các rủi ro quan trọng được nhận diện cùng với kế hoạch hành động cho tiểu ban quản trị rủi ro. Hội đồng quản trị rủi ro bao gồm các thành viên sau:

- Ông Nguyễn Trung Hà
- Bà Nguyễn Thanh Thảo

Đánh giá của HĐQT

Về hoạt động kinh doanh của TVS

Nền kinh tế thế giới năm 2021 chứng kiến sự phục hồi đáng kể sau đại dịch Covid-19, với GDP toàn cầu tăng 5,9%. Bị ảnh hưởng nặng nề trong quý thứ ba do đóng cửa nền kinh tế, GDP của Việt Nam tăng 2,6% vào năm 2021. Chỉ số VN-Index đã có sự điều chỉnh mạnh từ 1.200 đến 998 điểm vào cuối tháng 1 (-17%). Tuy nhiên, với các chính sách tài khóa và tiền tệ mở rộng, thị trường chứng khoán toàn cầu đã kết thúc năm một cách tích cực. Với đà tăng trưởng mạnh mẽ, TVS thông qua chiến lược đầu tư vào các công ty hàng đầu có tiềm năng tăng trưởng tốt, đã giữ cho danh mục đầu

tư ổn định và sinh lời cao hơn nhiều so với thị trường chung. Với ROE là 33,7%, TVS nằm trong top 4 công ty môi giới có quy mô vốn trung bình. Năm 2021, TVS báo cáo doanh thu 1.042 tỷ đồng (+ 64% YoY) và lợi nhuận sau thuế 517 tỷ đồng (+ 122% YoY).

Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực của tất cả các bộ phận của chúng tôi trong hoạt động kinh doanh và đầu tư khi đối mặt với tất cả những thách thức mà thị trường có thể mang lại.



Ban giám đốc



Bà Nguyễn Thanh Thảo – Tổng giám đốc

Bà Thảo có bằng Cử nhân Kinh tế loại ưu tại Đại học Quốc gia Moscow (MGIMO), Nga và bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại California, Hoa Kỳ. Trước khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc TVS vào năm 2013, bà Thảo là Giám đốc Chi nhánh từ năm 2009. Bà từng là Chuyên viên Phân tích Tài chính Cấp cao tại Ameritrust Capital Holding và là Giám đốc Văn phòng Pháp lý cho Văn phòng luật sư Liebovitz & Do tại Hoa Kỳ.



Ông Lê Quang Tiến – Kế toán trưởng

Ông Tiến có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, giữ vai trò lãnh đạo tại một số công ty tại Việt Nam. Trước khi gia nhập TVS vào năm 2007, ông là Kế toán trưởng của Bao bì Hanpack và Giám đốc Tài chính của Vista.

Về hoạt động của Ban giám đốc

HDQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và thông qua các đợt kiểm toán nội bộ để hiểu rõ môi trường hoạt động của công ty. HDQT, thông qua Ủy ban, hỗ trợ Tổng Giám đốc và Ban giám đốc hoàn thành các trách nhiệm được giao. Căn cứ vào điều lệ, nghị quyết và các thông lệ tốt nhất của quản trị công ty, HDQT hướng dẫn và ủy quyền cho HDQT quyết định hoạt động kinh doanh hàng ngày theo chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông. HDQT cho biết năm 2020 ban giám

đốc đã hoàn thành trách nhiệm điều hành trong khuôn khổ pháp lý của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên HDQT độc lập cho rằng HDQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, triển khai và thực hiện nghiêm chỉnh tất cả những nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021.

Số	Thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Trung Hà	14/14	100%
2	Bà Đinh Thị Hoa	14/14	100%
3	Ông Terrence Ting	11/11	100%
4	Ông Nguyễn Nam Sơn	14/14	100%
5	Ông Phan Minh Tâm	14/14	100%
6	Bà Bùi Thị Kim Oanh	14/14	100%
7	Ông Nguyễn Thành Nam	14/14	100%
8	Bà Nguyễn Thanh Thảo	14/14	100%

Số	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	14012021/NQ-HDQT	14/01/2021	Triệu tập ĐHCĐBT và ngày ĐKCC
2	0902021/NQ-HDQT	09/02/2021	Thông qua thời gian, địa điểm, tài liệu tổ chức ĐHCĐBT
3	03032021/NQ-HDQT	03/03/2021	Thông qua ký kết ký kết và thực hiện hợp đồng với bên liên quan
4	04032021/NQ-HDQT-02	04/03/2021	Sửa đổi điều lệ, bổ nhiệm Ông Terrence Ting làm Phó CT HDQT và Chủ tịch hội đồng đầu tư
5	04032021/NQ-HDQT-01	04/03/2021	Thông qua ngày ĐKCC họp ĐHCĐTN 2021
6	02042021/NQ-HDQT	02/04/2021	Thông qua thời gian, địa điểm, tài liệu tổ chức ĐHCĐTN
7	04052021/NQ-HDQT	04/05/2021	Thông qua Ngày ĐKCC lấy ý kiến bằng văn bản về chuyển trụ sở TVS Hà Nội, trả cổ tức bằng tiền mặt 6%
8	25052021/NQ-HDQT	25/05/2021	Bổ sung nội dung vào nội dung lấy ý kiến bằng văn bản
9	28052021/NQ-HDQT	28/05/2021	Thông qua bộ hồ sơ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
10	08062021TX/NQ-HDQT	08/06/2021	Phương án vay vốn và nhận bảo lãnh vay vốn nước ngoài
11	01072021/NQ-HDQT	01/07/2021	Thông qua duyệt chi 15 tỉ để hỗ trợ TP. HCM chống dịch Covid
12	07072021/ NQ-HDQT	07/07/2021	Thông qua chọn EY làm công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021
13	08072021/ NQ-HDQT	08/07/2021	Chấp thuận phương án triển khai đầu tư Đầu tư hệ thống kết nối và tích hợp giao dịch chứng khoán
14	20072021TX/NQ-HDQT	20/07/2021	Chấp thuận vay vốn bằng đồng USD từ ngân hàng nước ngoài
15	01102021/NQ-HDQT	01/10/2021	Chấp thuận hạn mức vay vốn của công ty và nhận bảo lãnh vay vốn tại nước ngoài
16	29102021/NQ-HDQT		Thông qua việc đầu tư ra nước ngoài
17	0911/2021/NQ-HDQT	09/11/2021	Thông qua tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ
18	01122021/ NQ-HDQT	01/12/2021	Thông qua đề xuất mua xe ô tô cho văn phòng TVS Hội sở tại Hà Nội



Ban kiểm soát

Số	Tên	Vị trí	Sở hữu 31/12/2021
1	Mr Do Viet Hung	Head	0.0%
3	Ms. Dong Thi Phuong Lien	Member	0.0%
2	Ms. Tran Thi Hong Nhung	Member	0.16%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, BKS đã được mời và tham dự các cuộc họp ĐHCĐ thường niên và bất thường, tham dự các cuộc họp HĐQT định kỳ, tham dự một số cuộc họp chiến lược của BDH Công ty về kế hoạch kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh. BKS đã được cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc theo đúng diễn biến hoạt động của Công ty để kiểm tra, giám sát kịp thời nhằm

đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông. Năm 2021, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ TVS, Quy chế quản trị nội bộ và về quy chế hoạt động của BKS, góp phần cùng Ban Điều hành (“BDH”) TVS triển khai kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHCĐ”) thông qua.

Nhận xét chung về kết quả năm 2021

Trong năm 2021, BKS nhận định HĐQT và BDH TVS đã triển khai và thực hiện nghiêm chỉnh tất cả những nghị quyết của ĐHCĐ năm 2021 trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán, luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty. Trong quá trình kiểm soát định kỳ cũng như đột xuất trong năm 2021, Ban Kiểm Soát không phát hiện các trường hợp bất thường nào gây thiệt hại cho cổ đông từ các thành viên của HĐQT và

BDH. Hơn mười một (11) năm liên tục, TVS không hề có bất kỳ sự cố lớn hay nhỏ trong hoạt động kinh doanh cũng như không bị Ủy Ban Chứng Khoán phạt hay cảnh báo vì bất kỳ vi phạm lớn hay nhỏ trong luật Chứng Khoán.TVS của quý cổ đông đã một lần nữa khẳng định là một công ty chứng khoán niêm yết rất an toàn, đáng tin tưởng và kinh doanh ngày càng hiệu quả hơn.

Những thành tựu trong năm 2021

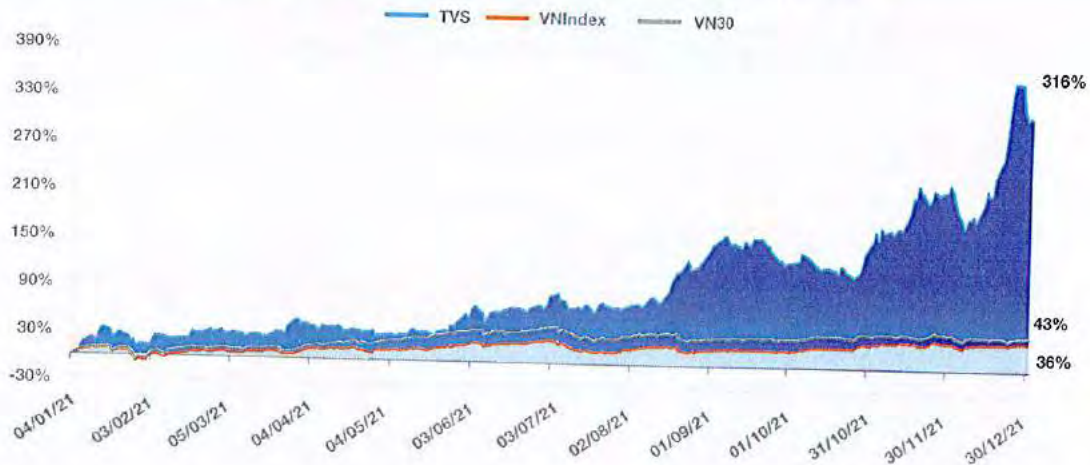
1. Bùng nổ giá cổ phiếu TVS trên sàn HOSE

Giá cổ phiếu TVS trên sàn HOSE đã tăng 316% trong năm 2021, một trong những tăng trưởng ấn tượng nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và trong ngành chứng khoán nói riêng.

Biến động tăng giá này một phần nhờ vào đà tăng trưởng chung của ngành chứng khoán nhưng chủ yếu là nhờ thị trường đã nhận diện ra được giá trị tiềm ẩn trong khoản đầu tư của TVS vào Momo. Đây là một ví dụ

điển hình cho thấy khả năng đầu tư Private Equity của đội ngũ TVS : khám phá, đầu tư, đồng hành và dẫn dắt một mô hình kinh doanh tiềm năng và một đội ngũ vận hành xuất sắc. Khả năng phát triển và tạo giá trị vượt bậc của MoMo sẽ tiếp tục đóng góp vào việc tăng giá trị của TVS. MoMo dẫn đầu một chuỗi đầu tư vào những công ty có tính chất đột phá khác, như FinHay, Galaxy Entertainment & Education, mindX Technology. Vườn ươm doanh nghiệp của TVS sẽ là một trong những nguồn tạo giá trị gia tăng cốt lõi và vững mạnh trong tương lai.

Tăng trưởng giá thị trường của TVS, VN-Index, VN30

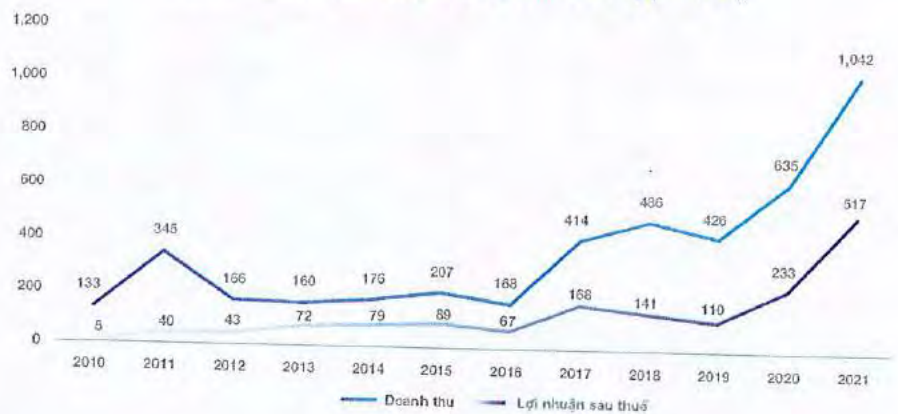


*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

2. Tiếp tục đà bứt phá trong kinh doanh cốt lõi

Kết quả kinh doanh của TVS năm 2021 lại phá kỷ lục của năm 2020 về doanh thu và lợi nhuận từ ngày TVS được thành lập đến nay. Trong năm 2021, doanh thu tăng 64% và lợi nhuận (sau thuế) tăng hơn gấp đôi (122%).

Báo cáo kết quả hoạt động của TVS (tỷ VND)



*Nguồn tham khảo: Bloomberg, dữ liệu của TVS

Kiến nghị

Ban Kiểm soát kiến nghị TVS trong năm 2022:

1

Tiếp tục tận dụng thành quả của năm 2021 để duy trì và đạt được hiệu quả ổn định về lâu dài thay vì dựa vào đà tăng ngắn hạn của thị trường. Và đặc biệt duy trì hình ảnh hơn 11 năm về một công ty chứng khoán không tỳ vết, an toàn và đáng tin tưởng của thị trường;

2

Xây dựng khuôn khổ pháp lý và tổ chức (nhất là nhân sự) cho hoạt động đầu tư công ty tư nhân đầy tiềm năng;

3

Thực hiện dự án “Chuyển đổi số 4.0”, trong đó ưu tiên tập trung hóa toàn bộ dữ liệu kinh doanh của TVS, nhằm đảm bảo tối ưu hóa quy trình làm việc và cải thiện hiệu quả hoạt động công ty.

Giao dịch các bên liên quan

Số	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đình Dũng	Người liên quan	590,912	0.6	540,912	0.55	Bán
2	Đình Hùng	Người liên quan	114,968	0.12	68	0	Bán
3	CTCP Đầu tư công nghệ Giàn đơn	Người liên quan	163,500	0.18	0	0	Bán
4	Đình Dũng	Người liên quan	540,912	0.55	490,912	0.5	Bán
5	Phan Thanh Điện	Người liên quan	1,672,940	1.7	1,372,940	1.4	Bán
6	Phan Thanh Điện	Người liên quan	1,372,940	1.4	1,271,940	1.3	Bán

Thu nhập

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Công ty con trong năm là 10.317.984.848 đồng (năm trước: 7.286.838.545 đồng).

Quản trị doanh nghiệp

Các khóa đào tạo về quản trị công ty có sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), các cán bộ quản lý và thư ký khác theo quy định về quản trị công ty

Hoạt động thành viên HĐQT độc lập không điều hành

TVS có bốn thành viên độc lập và một thành viên quản lý điều hành, giúp Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định một cách khách quan và độc lập. Có bốn thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào các Tiểu ban. Vì vậy, ngoài nhiệm vụ chung của Hội đồng quản trị, các thành viên này còn đảm nhận nhiều vai trò khác nhau trong Tiểu ban.

Thành viên HĐQT độc lập kết luận HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, triển khai và thực hiện nghiêm chỉnh tất cả những nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2021.

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2022

Đại diện công ty

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Trung Hà

30
IG
PT
iK
N
||

S.Đ.K.K.D.



Capital Insight
Client Innovation

Số/No.: 13/2022/CBTT

Ngày 31 tháng 03 năm 2022/ March 31st, 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK
INFORMATION DISCLOSURE ON ELECTRONIC PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND HO CHI MINH STOCK EXCHANGE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HN/ *Ha Noi Stock Exchange*

Công ty: Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt (TVS)

Name of Company: Thien Viet Securities Joint Stock Company (TVS)

Mã chứng khoán/Securities code: TVS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Harec, Số 4 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

Head office address: 15th Floor, Harec Building, 4 Lang Ha, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Ha Noi

Điện thoại/ Telephone: 024 3248 4820

Fax: 024 3248 4821

Người thực hiện công bố thông tin/ Spokeswoman: Trần Thị Hồng Nhung

Điện thoại/Telephone: 028.62992099 (ext: 2240)

Fax: 028.62992088

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Type of information disclosure: 24h 72h Irregular On Demand Periodic

Nội dung thông tin công bố/ *Information to be disclosed:*

Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2021 / *2021 Audited Consolidated Financial Statements*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2022 tại đường dẫn <https://www.tvs.vn/vi/quan-he-co-dong/> This information have been posted on the Company's website on March 31st 2022: <https://www.tvs.vn/en/investor-relation>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We would declare to be fully responsible for the accuracy of the above information.

**Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorised Representative to disclose information**



Trần Thị Hồng Nhung
Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro
Risk Management Manager

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Tổng Giám đốc	4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	7 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	12 - 14
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	15 - 17
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	18
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	19 - 69

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND
67/GPĐC-UBCK	29/08/2018	Thay đổi vốn điều lệ từ 578.710.410.000 VND lên 635.023.750.000 VND
43/GPĐC-UBCK	19/07/2019	Thay đổi vốn điều lệ từ 635.023.750.000 VND lên 784.247.000.000 VND
57/GPĐC-UBCK	27/09/2019	Thay đổi vốn điều lệ từ 784.247.000.000 VND lên 801.247.000.000 VND
19/GPĐC-UBCK	05/05/2020	Thay đổi vốn điều lệ từ 801.247.000.000 VND lên 901.247.000.000 VND
77/GPĐC-UBCK	27/11/2020	Thay đổi vốn điều lệ từ 901.247.000.000 VND lên 982.351.740.000 VND
114/GPĐC-UBCK	15/12/2021	Thay đổi vốn điều lệ từ 982.351.740.000 VND lên 1.070.751.840.000 VND

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 1.070.862.881.300 VND, vốn chủ sở hữu là 1.754.912.171.919 VND và tổng tài sản là 7.187.117.250.469 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÔNG TY (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai (2) công ty con như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM")	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý quỹ	99,84%
Công ty cổ phần Finsight (*)	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn đầu tư	99,72%

(*) Công ty sở hữu trực tiếp 14,99% Finsight và gián tiếp 84,73% Finsight thông qua TVAM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Terence Tíng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2021
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019

199
Y
N
O
Á
Ê
T
HT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Đồng Thị Phương Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là bà Nguyễn Thanh Thảo, tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2018.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Nguyễn Trung Hà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thanh Thảo được ông Nguyễn Trung Hà ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo giấy ủy quyền số 03-13/UQ-HĐQT ngày 5 tháng 4 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61061644/22721018-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 7 đến trang 69, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



[Signature]
 Saman Wijaya Bandara
 Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Hoàng Thị Hồng Minh
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

T N T

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.145.152.054.428	3.892.844.859.085
110	I. Tài sản tài chính		7.136.928.257.948	3.879.482.801.748
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	350.066.827.995	130.048.049.208
111.1	1.1 Tiền		317.066.827.995	128.048.049.208
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		33.000.000.000	2.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	1.640.805.047.352	744.628.744.820
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	6.3	4.374.790.253.553	2.642.650.000.000
114	4. Các khoản cho vay	6.4	409.406.354.859	182.762.276.608
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.2	150.331.939.405	64.845.213.882
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.6	(2.934.808.718)	(2.934.808.718)
117	7. Các khoản phải thu	7	121.133.383.007	106.520.353.423
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	8.225.159.100
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		121.133.383.007	98.295.194.323
117.4	7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		121.133.383.007	98.295.194.323
118	8. Trả trước cho người bán	8	31.540.930.118	5.276.302.925
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	47.844.952.222	5.621.525.600
122	10. Các khoản phải thu khác	10	13.943.378.155	65.144.000
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		8.223.796.480	13.362.057.337
131	1. Tạm ứng		7.500.000	557.500.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	6.796.748.755	2.775.768.506
134	3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14	-	10.000.000.000
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	20	1.251.403.073	28.788.831
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		168.144.652	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.965.196.041	18.235.514.292
220	I. Tài sản cố định		19.448.095.767	1.934.698.689
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	6.942.945.630	1.067.507.529
222	1.1 Nguyên giá		26.739.802.948	20.063.303.348
223a	1.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(19.796.857.318)	(18.995.795.819)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	12.505.150.137	867.191.160
228	2.1 Nguyên giá		26.846.036.309	12.946.036.309
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(14.340.886.172)	(12.078.845.149)
240	II. Chi phí xây dựng dở dang		-	5.283.757.600
250	III. Tài sản dài hạn khác		22.517.100.274	11.017.058.003
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	14	1.210.215.135	1.214.648.695
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.643.031.738	1.789.880.291
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	2.136.564.460	2.136.564.460
254	4. Tiền nợ Quý Hỗ trợ thanh toán	16.1	6.512.357.379	5.875.964.557
255	5. Tài sản dài hạn khác	16.2	10.014.931.562	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.187.117.250.469	3.911.080.373.377

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.432.205.078.550	2.602.902.888.790
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		5.404.524.430.534	2.555.701.623.729
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		3.310.363.520.305	2.477.820.902.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	19	3.310.363.520.305	2.477.820.902.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	683.042.412	503.464.728
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	18	22.758.011.556	8.316.191.065
321	4. Người mua trả tiền trước		12.000.000	12.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	82.204.006.924	27.462.650.609
323	6. Phải trả người lao động		26.987.271.113	15.776.172.696
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		30.826.000	-
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	9.982.340.060	9.211.004.423
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		32.240.440	-
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	1.934.190.484.641	10.724.934.304
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	17.280.687.083	5.874.303.904
340	II. Nợ phải trả dài hạn		27.680.648.016	47.201.265.061
341	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn		-	20.000.000.000
342	1.1 Vay dài hạn	19	-	20.000.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15	27.680.648.016	27.201.265.061
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.754.912.171.919	1.308.177.484.587
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.754.912.171.919	1.308.177.484.587
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.070.862.881.300	982.462.781.300
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.070.751.840.000	982.351.740.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		1.070.751.840.000	982.351.740.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		111.041.300	111.041.300
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.385.326.228	18.097.816.228
415	3. Quỹ dự phòng lãi chính và rủi ro nghiệp vụ		54.917.083.228	54.917.083.228
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	24.2	626.249.152.228	252.354.946.125
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		520.976.652.353	143.755.547.216
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		105.272.499.875	108.599.398.909
418	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	497.728.935	344.857.706
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.187.117.250.469	3.911.080.373.377

330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	26.1	38.032.022.388	38.032.022.388
005	2. Ngoại tệ các loại	26.2	1.266.721.559	1.895.748.419
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	26.3	107.075.184	98.235.174
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	26.4	126.891.650.000	204.534.450.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK	26.5	1.810.000	1.560.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	26.6	6.048.050.000	2.275.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	26.7	164.301.430.971	94.542.363.882

(*) Số dư các tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	26.8	1.288.359.320.000	1.242.210.310.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.166.951.340.000	1.134.172.740.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		3.479.000.000	7.599.140.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		91.369.980.000	79.200.000.000
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán		26.559.000.000	21.238.430.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	26.9	9.505.780.000	8.368.420.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		9.505.780.000	8.368.420.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	26.10	13.241.000.000	21.444.800.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	26.11	12.595.830.000	803.830.000

THIÊN VIỆT

15/01/2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	5. Tiền gửi của khách hàng	26.12	192.238.525.886	161.351.884.867
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		192.210.819.806	161.343.116.615
029	5.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		27.706.080	8.768.252
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		17.802.365	8.731.620
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		9.903.715	36.632
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26.13	192.238.525.886	161.351.884.867
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		188.267.208.733	161.042.390.056
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.971.317.153	309.494.811
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26.14	1.926.564.885	1.641.438.595

Bà Hoàng Khánh Ly
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-CTCK/VHN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		704.097.998.340	440.918.024.899
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.1	596.211.694.605	215.413.076.538
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.2	82.166.904.986	216.013.773.544
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.3	25.719.398.749	9.491.174.817
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	27.3	170.912.007.716	138.845.905.334
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.3	29.872.279.247	21.381.736.309
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		49.035.815.288	19.679.213.633
07	5. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		12.800.000.000	-
08	6. Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán		-	260.570.466
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		987.810.987	655.063.478
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		9.865.454.545	10.204.090.909
11	9. Thu nhập hoạt động khác	29	64.474.421.871	3.374.415.290
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.042.045.787.994	635.319.020.318
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(94.516.029.952)	(146.910.819.627)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.1	(9.490.267.304)	(35.121.226.472)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.2	(84.820.128.572)	(111.548.110.583)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(205.634.076)	(241.482.572)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	28	(21.864.612.491)	(15.137.897.762)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	30	(18.509.149.549)	(11.370.563.764)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31	(38.418.675.769)	(17.926.386.451)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(368.709.755)	(434.703.241)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	32	(21.336.569.764)	(14.471.569.430)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác	33	(16.263.094.830)	(8.364.996.571)
40	Cộng chi phí hoạt động		(211.276.842.110)	(214.616.936.846)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		156.824	7.233.519
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		1.362.242.463	818.984.422
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	34	1.362.399.287	826.217.941
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(4.492.478.303)	(10.580.955)
52	2. Chi phí lãi vay		(89.762.528.798)	(107.703.685.214)
55	3. Chi phí đầu tư khác		(38.664.953.063)	-
60	Cộng chi phí tài chính	35	(132.919.960.164)	(107.714.266.169)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	36	(41.979.405.875)	(25.141.969.152)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		657.231.979.132	288.672.066.092
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		-	15.121
72	2. Chi phí khác		(13.221.400.008)	(329.752)
80	Cộng kết quả hoạt động khác	37	(13.221.400.008)	(314.631)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		644.010.579.124	288.671.751.461
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		646.858.095.203	184.011.796.007
92	2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(2.847.516.079)	104.659.955.454
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	38	(126.918.404.213)	(56.002.031.947)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.2	(126.439.021.258)	(35.033.719.349)
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	38.3	(479.382.955)	(20.968.312.598)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		517.092.174.911	232.669.719.514
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ chủ sở hữu		516.928.898.390	232.635.216.798
203	2. Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		163.276.521	34.502.716

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT		517.092.174.911	232.669.719.514
401	1. Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		516.928.898.390	232.635.216.798
402	2. Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		163.276.521	34.502.716
500	XI. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		516.928.898.390	232.635.216.798
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	39.4	4.886	2.661
502	2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	39.4	4.886	2.464



Bà Hoàng Khánh Ly
Người lập



Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B03b-CTCKVHN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		644.010.579.124	288.671.751.461
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		(32.342.331.087)	31.405.563.536
03	- Khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại		3.063.102.522	3.421.893.357
06	- Chi phí lãi vay		89.762.528.798	107.703.685.214
08	- Dự thu tiền lãi		(120.090.087.407)	(79.720.015.035)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		(5.077.875.000)	-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		84.820.128.572	111.548.110.583
11	- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	27.2	84.820.128.572	111.548.110.583
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(82.166.904.986)	(216.013.773.544)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	27.2	(82.166.904.986)	(216.013.773.544)
30	5. Lỗi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.137.802.593.326)	(745.947.517.828)
31	- Tăng tài sản tài chính FVTPL		(898.829.526.118)	(115.681.614.550)
32	- Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM		(1.732.140.253.553)	(472.165.846.995)
33	- Tăng các khoản cho vay		(226.644.078.251)	(18.533.522.021)
34	- Tăng tài sản sẵn tài chính sẵn sàng để bán AFS		(85.486.725.523)	(25.997.850.000)
35	- Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		8.225.159.100	(8.013.139.100)
36	- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		97.251.898.723	18.290.562.640
37	- (Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(42.223.426.622)	673.120.123
39	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(40.142.861.348)	2.159.894.244
40	- Tăng các tài sản khác		(11.492.083.278)	(1.107.938.227)
41	- (Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(145.200.000)	75.200.000
42	- Giảm chi phí trả trước		(4.874.131.696)	(1.836.414.941)
43	- Thuế TNDN đã nộp	20	(77.285.997.780)	(29.902.105.624)
44	- Lãi vay đã trả		(88.845.993.161)	(110.675.207.425)
45	- Tăng phải trả cho người bán		14.441.820.491	7.013.312.848
46	- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		30.826.000	-
47	- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		5.588.332.837	2.885.341.281
48	- Tăng phải trả người lao động		11.211.098.417	7.717.857.878
50	- Tăng phải trả phải nộp khác		1.923.554.114.876	9.229.556.197
52	- Tiền thu/(chi) khác từ hoạt động kinh doanh		10.004.433.560	(10.078.724.156)
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(523.481.121.703)	(530.335.865.792)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B03b-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(10.214.867.000)	(6.066.387.120)
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.214.867.000)	(6.066.387.120)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	100.280.000.000
73	Tiền vay gốc		8.990.427.495.985	12.444.519.147.000
73.2	- Tiền vay khác		8.990.427.495.985	12.444.519.147.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.177.884.877.680)	(11.903.146.245.000)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(8.177.884.877.680)	(11.903.146.245.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(58.827.850.815)	(31.705.490)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		753.714.767.490	641.621.196.510
90	TĂNG TIỀN THUẬN TRONG NĂM		220.018.778.787	105.218.943.598
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	130.048.049.208	24.829.105.610
101.1	Tiền		128.048.049.208	16.329.105.610
101.2	Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	8.500.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	350.066.827.995	130.048.049.208
103.1	Tiền		317.066.827.995	128.048.049.208
103.2	Các khoản tương đương tiền		33.000.000.000	2.000.000.000


Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B03b-CTCK/HN

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		2.441.693.984.400	1.100.482.046.400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.971.625.209.460)	(1.016.903.661.300)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		6.163.513.382.408	5.155.427.942.885
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(6.670.025.130.720)	(5.155.037.539.017)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(444.830.567)	(465.655.499)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		83.419.424.558	54.342.734.770
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(15.644.979.600)	(39.661.188.000)
20	Tăng tiền thuần trong năm		30.886.641.019	98.184.680.239
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	26.12	161.351.884.867	63.167.204.628
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		161.351.884.867	63.167.204.628
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		161.343.116.615	63.158.058.860
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		8.768.252	9.145.768
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	26.12	192.238.525.886	161.351.884.867
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		192.238.525.886	161.351.884.867
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		192.210.819.806	161.343.116.615
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		27.706.080	8.768.252



Bà Hoàng Khánh Ly
Người lập



Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng




Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04-CTCK/HN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		Ngày 1/1/2020 VND	Ngày 1/1/2021 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2020 VND	Ngày 31/12/2021 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.3	810.367.431.300	982.462.781.300	181.104.740.000		88.400.100.000		982.462.781.300	1.070.862.881.300
1.1 Cổ phiếu phổ thông		801.247.000.000	982.351.740.000	181.104.740.000		88.400.100.000		982.351.740.000	1.070.751.340.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		9.120.431.300	111.041.300	-		(9.009.390.000)		111.041.300	111.041.300
1.3 Cổ phiếu quỹ		-	-	-		-		-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	24.3	6.691.838.341	18.097.816.228	11.405.977.887		-	(15.712.490.000)	18.097.816.228	2.385.326.228
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	24.3	43.511.105.341	54.917.083.228	11.405.977.887		-		54.917.083.228	54.917.083.228
4. Lợi nhuận chưa phân phối	24.2	119.403.975.363	252.354.946.125	232.878.112.918		(99.927.142.156)	(143.034.692.287)	252.354.946.125	626.249.152.228
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		94.501.733.516	143.755.547.216	149.180.955.856		(99.927.142.156)	(143.034.692.287)	143.755.547.216	520.976.652.353
- Lợi nhuận chưa thực hiện		24.902.241.847	108.599.398.909	83.697.157.062		(3.326.899.034)	-	108.599.398.909	105.272.499.875
5. Lợi ích của cổ đông thiểu số		303.620.150	344.857.706	290.627.285	(249.389.729)	163.276.521	(10.405.292)	344.857.706	497.728.935
TỔNG CỘNG		980.277.970.495	1.308.177.484.587	437.085.435.977	(109.185.921.885)	605.492.274.911	(158.757.587.579)	1.308.177.484.587	1.754.912.171.919

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Bà Hoàng Khánh Ly
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Ông Lê Quang Tiến

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



VNĐ/TH/TH/CS/CS/011

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các văn bản sửa đổi khác.

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPDCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPDC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPDC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPDC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPDC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPDC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND
67/GPDC-UBCK	29/08/2018	Thay đổi vốn điều lệ từ 578.710.410.000 VND lên 635.023.750.000 VND
43/GPDC-UBCK	19/07/2019	Thay đổi vốn điều lệ từ 635.023.750.000 VND lên 784.247.000.000 VND
57/GPDC-UBCK	27/09/2019	Thay đổi vốn điều lệ từ 784.247.000.000 VND lên 801.247.000.000 VND
19/GPDC-UBCK	05/05/2020	Thay đổi vốn điều lệ từ 801.247.000.000 VND lên 901.247.000.000 VND
77/GPDC-UBCK	27/11/2020	Thay đổi vốn điều lệ từ 901.247.000.000 VND lên 982.351.740.000 VND
114/GPDC-UBCK	15/12/2021	Thay đổi vốn điều lệ từ 982.351.740.000 VND lên 1.070.751.840.000 VND

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 86 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 56 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 1.070.862.881.300 VND, vốn chủ sở hữu là 1.754.912.171.919 VND và tổng tài sản là 7.187.117.250.469 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai (2) công ty con như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý quỹ	99,84%
Công ty cổ phần Finsight (*)	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn đầu tư	99,72%

(*) Công ty sở hữu trực tiếp 14,99% của Finsight và 84,73% của Finsight thông qua TVAM

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày linh hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Nhóm Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

3.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong năm hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, những công cụ này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- ▶ Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- ▶ Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

3.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương pháp khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính* (tiếp theo)

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Nhóm Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Nhóm Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Nhóm Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Nhóm Công ty. Trong trường hợp đó, Nhóm Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Nhóm Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Nhóm Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.8 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Nhóm Công ty khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Nhóm Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phát sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ (tiếp theo)

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản lãi chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Nhóm Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Nhóm Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Nhóm Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Nhóm Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Nhóm Công ty sau khoản thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Nhóm Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10 tháng 10 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

3.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	2-5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	1-5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2-3 năm

3.15 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) tháng đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- ▶ Chi phí bảo trì hệ thống;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Chi phí trang phục cho nhân viên;
- ▶ Chi phí dịch vụ khác;
- ▶ Chi phí mua thiết bị tin học;
- ▶ Chi phí công cụ, dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa văn phòng; và
- ▶ Chi phí dài hạn khác.

3.17 Các khoản vay

Các khoản vay được phát hành bởi Nhóm Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

3.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lợi ích của nhân viên

3.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Nhóm Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2021, tỷ lệ này là 17%). Ngoài ra, Nhóm Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.19.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Nhóm Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.19.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, tỷ lệ này là 0%) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

3.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.23 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu, chứng chỉ quỹ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.26 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Nhóm Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Nhóm Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Nhóm Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Nhóm Công ty chưa thực hiện trích quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021. Các quỹ sẽ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.27 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Nhóm Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.28 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	296.125.778	213.511.090
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Nhóm Công ty	316.770.702.217	127.834.538.118
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	2.000.000.000
	350.066.827.995	130.048.049.208

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	104.264.002	49.588.743.539.405
- Cổ phiếu	87.300.929	2.898.863.922.210
- Trái phiếu	9.202.246	21.352.400.335.038
- Khác	7.760.827	25.337.479.282.157
b. Của nhà đầu tư	976.744.666	30.025.091.259.460
- Cổ phiếu	951.785.421	28.892.111.455.472
- Trái phiếu	8.308.067	849.984.608.006
- Chứng chỉ quỹ	11.065.300	231.108.132.000
- Chứng quyền	5.585.878	51.887.063.982
	1.081.008.668	79.613.834.798.865

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	402.080.789.430	498.464.868.396	403.401.360.333	514.766.671.741
TCB	66.880.847.682	65.500.000.000	50.152.949.871	66.465.000.000
NVL	63.768.840.000	72.718.100.000	14.005.000.000	13.860.000.000
DXG	62.282.980.482	110.811.085.000	30.680.147.849	45.457.739.250
VNM	50.071.579.382	49.249.382.400	574.488	435.200
VHM	43.976.682.705	46.778.868.000	53.997.894.000	60.239.765.000
DXS	37.057.897.679	44.014.000.000	-	-
PLX	24.272.070.000	24.255.000.000	-	-
TDM	20.108.181.000	27.979.350.000	14.164.616.000	16.144.978.500
VPB	15.085.489.150	16.118.627.800	-	-
TPB	2.187.837.277	23.703.583.600	2.185.593.277	11.460.752.000
Cổ phiếu khác	16.388.384.073	17.336.871.596	238.214.584.848	301.138.001.791

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết				
PVP	46.082.801.429	43.530.028.000	1.026.455.056	993.519.900
Cổ phiếu khác	46.070.733.673	43.524.000.000	-	-
	12.067.756	6.028.000	1.026.455.056	993.519.900
Trái phiếu niêm yết				
	25.191.460.592	27.218.575.800	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết				
MBBL2128005	899.161.365.979	907.937.134.060	112.119.409.160	112.638.553.179
MBBL2128001	116.678.337.990	117.344.660.959	-	-
Khác	101.972.638.286	102.434.726.027	-	-
	680.510.389.703	688.157.747.074	112.119.409.160	112.638.553.179
Chứng chỉ tiền gửi				
	62.791.428.237	63.734.441.096	-	-
Chứng chỉ quỹ				
FUCTVGF3	72.520.000.000	99.920.000.000	92.451.095.000	116.230.000.000
FUCTVGF2	25.654.000.000	30.480.000.000	-	-
FUCTVGF1	46.866.000.000	69.440.000.000	34.340.000.000	40.630.000.000
	-	-	58.111.095.000	75.600.000.000
	1.507.827.845.667	1.640.805.047.352	608.998.319.549	744.628.744.820

6.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- CTCP Finhay	62.486.725.523	62.486.725.523	9.000.000.000	9.000.000.000
- CTCP 315	33.072.850.000	33.072.850.000	-	-
- CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến	27.847.363.882	27.847.363.882	27.847.363.882	27.847.363.882
- CTCP Galaxy education	20.700.000.000	20.700.000.000	20.700.000.000	20.700.000.000
- CTCP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh	3.225.000.000	3.225.000.000	4.297.850.000	4.297.850.000
- CTCP Viễn Thông Tinh Vân	3.000.000.000	645.350.000	3.000.000.000	645.350.000
	150.331.939.405	147.977.289.405	64.845.213.882	62.490.563.882

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	2.727.529.068.469	2.727.529.068.469	2.492.650.000.000	2.492.650.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	1.647.261.185.084	1.647.261.185.084	150.000.000.000	150.000.000.000
	4.374.790.253.553	4.374.790.253.553	2.642.650.000.000	2.642.650.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng bằng VND, có kỳ hạn gốc từ 4 tháng đến 15 tháng (31/12/2020: kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng).

Nhóm Công ty có sử dụng một số khoản tiền gửi kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi là 2.552.600 triệu đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (31/12/2020: 2.110.185 triệu đồng).

6.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	396.306.856.994	395.726.698.276	165.795.361.685	165.215.202.967
Cho vay hoạt động ứng trước liền bán	13.099.497.865	13.099.497.865	16.966.914.923	16.966.914.923
	409.406.354.859	408.826.196.141	182.762.276.608	182.182.117.890

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản cho vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Năm nay				Năm trước			
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)								
1. Cổ phiếu niêm yết								
TCB	66.880.847.682	-	(1.380.847.682)	65.500.000.000	50.152.949.871	16.312.050.129	-	66.465.000.000
NVL	63.768.840.000	8.949.260.000	-	72.718.100.000	14.005.000.000	-	(145.000.000)	13.860.000.000
DXG	62.282.980.482	48.528.104.518	-	110.811.085.000	30.680.147.849	14.777.591.401	-	45.457.739.250
VNM	50.071.579.382	-	(822.196.982)	49.249.382.400	574.488	-	(139.288)	435.200
VHM	43.976.682.705	2.802.185.295	-	46.778.868.000	53.997.894.000	6.241.871.000	-	60.239.765.000
DXS	37.057.897.679	6.956.102.321	-	44.014.000.000	-	-	-	-
PLX	24.272.070.000	-	(17.070.000)	24.255.000.000	-	-	-	-
TDM	20.108.181.000	7.871.169.000	-	27.979.350.000	14.164.616.000	1.980.362.500	-	16.144.978.500
VPB	15.085.489.150	1.033.138.650	-	16.118.627.800	-	-	-	-
TPB	2.187.837.277	21.515.746.323	-	23.703.583.600	2.185.593.277	9.275.158.723	-	11.460.752.000
Khác	16.388.394.073	1.600.483.272	(651.995.749)	17.336.871.596	238.214.594.848	62.926.609.291	(3.192.348)	301.138.001.791
	402.080.789.430	99.256.189.379	(2.872.110.413)	498.464.868.396	403.401.360.333	111.513.643.044	(148.331.636)	514.766.671.741

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.5 Tính hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính	Năm nay						Năm trước		
	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND		
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)									
2. Cổ phiếu chưa niêm yết									
PVP	46.070.733.673	-	(2.546.733.673)	43.524.000.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu khác	12.067.756	1.154.553	(7.194.309)	6.028.000	1.026.455.056	340.753	(33.275.909)	993.519.900	-
	46.082.801.429	1.154.553	(2.553.927.982)	43.530.028.000	1.026.455.056	340.753	(33.275.909)	993.519.900	-
3. Trái phiếu									
niêm yết	25.191.460.592	2.027.115.208	-	27.218.575.800	-	-	-	-	-
4. Trái phiếu chưa niêm yết									
MBBL2128005	116.678.337.990	666.322.969	-	117.344.660.959	-	-	-	-	-
MBBL2128001	101.972.638.286	462.087.741	-	102.434.726.027	-	-	-	-	-
Khác	680.510.389.703	7.955.595.802	(308.238.431)	688.157.747.074	112.119.409.160	713.436.512	(194.292.493)	112.638.553.179	-
	899.161.365.979	9.084.006.512	(308.238.431)	907.937.134.060	112.119.409.160	713.436.512	(194.292.493)	112.638.553.179	-
5. Chứng chỉ tiền gửi	62.791.428.237	943.012.859	-	63.734.441.096	-	-	-	-	-
6. Chứng chỉ quỹ									
FUCTVGF3	25.654.000.000	4.826.000.000	-	30.480.000.000	-	-	-	-	-
FUCTVGF2	46.866.000.000	22.574.000.000	-	69.440.000.000	58.111.095.000	17.488.905.000	-	75.600.000.000	-
FUCTVGF1	-	-	-	-	34.340.000.000	6.290.000.000	-	40.630.000.000	-
	72.520.000.000	27.400.000.000	-	99.920.000.000	92.451.095.000	23.778.905.000	-	116.230.000.000	-
	1.507.827.845.667	138.711.478.511	(5.734.276.826)	1.640.805.047.352	608.998.319.549	136.006.325.309	(375.900.038)	744.628.744.820	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản cho vay	580.158.718	580.158.718
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.354.650.000	2.354.650.000
	2.934.808.718	2.934.808.718

Chi tiết các TSTC hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá các TSTC như sau:

STT	Loại TSTC	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Cơ sở lập dự phòng		Giá trị dự phòng 31/12/2021 VND	Giá trị dự phòng 31/12/2020 VND	Mức trích lập dự phòng năm nay VND
				Giá trị đánh giá lại Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND			
I	HTM		4.374.790.253.553	4.374.790.253.553	-	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	-	-	-	-	-	-	-
	Chứng chỉ tiền gửi	-	2.727.529.068.469	2.727.529.068.469	-	-	-	-
	Trái phiếu	-	1.647.261.185.084	1.647.261.185.084	-	-	-	-
	chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	-
II	Cho vay		409.406.354.859	408.826.196.141	(580.158.718)	(580.158.718)	(580.158.718)	-
	Cho vay kỳ quỹ	-	396.306.856.994	395.726.698.276	(580.158.718)	(580.158.718)	(580.158.718)	-
	Ứng trước	-	13.099.497.865	13.099.497.865	-	-	-	-
III	AFS (cổ phiếu)		150.331.939.405	147.977.289.405	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	-
	CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến	918.404	27.847.363.882	27.847.363.882	-	-	-	-
	CTCP 315	727.316	33.072.850.000	33.072.850.000	-	-	-	-
	CTCP Galaxy education	2.070.000	20.700.000.000	20.700.000.000	-	-	-	-
	CTCP Finhay	1.922.548	62.486.725.523	62.486.725.523	-	-	-	-
	CTCP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh	322.500	3.225.000.000	3.225.000.000	-	-	-	-
	CTCP Viễn Thông Tinh Vân	50.000	3.000.000.000	645.350.000	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	-
			4.934.528.547.817	4.931.593.739.099	(2.934.808.718)	(2.934.808.718)	(2.934.808.718)	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	-	8.225.159.100
- Cổ phiếu niêm yết	-	3.199.871.600
- Trái phiếu	-	5.025.287.500
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	121.133.383.007	98.295.194.323
- Dự thu tiền lãi các tài sản tài chính	120.090.087.407	97.410.822.323
- Cổ tức	1.043.295.600	884.372.000
	121.133.383.007	106.520.353.423

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng người bán - Mua cổ phần trả trước (*)	29.632.968.001	-
Tạm ứng khác	1.907.962.117	5.276.302.925
	31.540.930.118	5.276.302.925

(*) Đây là khoản mua cổ phần của CTCP Giải trí và Giáo dục Galaxy. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã được chuyển quyền cho số cổ phần này.

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu phí tư vấn	1.077.700.000	4.807.700.000
Phải thu hoạt động đại lý phát hành chứng khoán	1.000.000.000	-
Phải thu phí dịch vụ quản lý quỹ	45.259.636.435	531.711.989
Phải thu phí lưu ký	79.997.675	123.575.493
Phải thu phí giao dịch	427.618.112	158.538.118
	47.844.952.222	5.621.525.600

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu phí tài trợ người dùng	4.748.973.893	-
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	9.192.551.252	-
Các khoản phải thu khác	1.853.010	65.144.000
	13.943.378.155	65.144.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	6.796.748.755	2.775.768.506
- Phí tham gia hợp đồng bảo lãnh	5.571.854.619	1.570.865.489
- Phí dịch vụ khác	1.217.991.309	740.366.500
- Phí bảo hiểm	6.130.627	19.543.958
- Công cụ dụng cụ	772.200	-
- Phí bảo trì hệ thống	-	280.599.999
- Tiền thuê văn phòng	-	164.392.560
Chi phí trả trước dài hạn	2.643.031.738	1.789.880.291
- Công cụ, dụng cụ	775.552.083	1.031.900.393
- Thiết bị tin học	855.583.912	410.130.660
- Phí bảo trì hệ thống	15.000.000	-
- Chi phí sửa chữa văn phòng	2.333.328	279.781.561
- Khác	994.562.415	68.067.677
	9.439.780.493	4.565.648.797

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng công VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.491.567.770	16.478.017.998	1.891.120.700	202.596.880	20.063.303.348
Mua trong năm	-	329.742.000	1.063.000.000	-	1.392.742.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	5.283.757.600	-	-	5.283.757.600
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.491.567.770	22.091.517.598	2.954.120.700	202.596.880	26.739.802.948
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.491.567.770	15.998.866.701	1.302.764.468	202.596.880	18.995.795.819
Khấu hao trong năm	-	485.874.719	315.186.780	-	801.061.499
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.491.567.770	16.484.741.420	1.617.951.248	202.596.880	19.796.857.318
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	479.151.297	588.356.232	-	1.067.507.529
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	5.606.776.178	1.336.169.452	-	6.942.945.630

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.724.204.947 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 16.747.442.157 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	10.644.489.909	2.301.546.400	12.946.036.309
Mua trong năm	8.822.125.000	-	8.822.125.000
Kết chuyển từ mua sắm tài sản cố định	5.077.875.000	-	5.077.875.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>24.544.489.909</u>	<u>2.301.546.400</u>	<u>26.846.036.309</u>
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	9.777.298.749	2.301.546.400	12.078.845.149
Hao mòn trong năm	2.262.041.023	-	2.262.041.023
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>12.039.339.772</u>	<u>2.301.546.400</u>	<u>14.340.886.172</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	867.191.160	-	867.191.160
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>12.505.150.137</u>	<u>-</u>	<u>12.505.150.137</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình lại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.841.536.310 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 6.917.747.195 đồng).

14. CAM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Ngắn hạn	-	10.000.000.000
Dài hạn	1.210.215.135	1.214.648.695
- Đặt cọc thuê văn phòng	802.393.265	771.901.000
- Đặt cọc thanh toán thẻ visa	250.000.000	250.000.000
- Đặt cọc dài hạn khác	157.821.870	192.747.695
	<u>1.210.215.135</u>	<u>11.214.648.695</u>

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	470.930.000	470.930.000
Dự phòng phải thu khó đòi	1.665.634.460	1.665.634.460
	<u>2.136.564.460</u>	<u>2.136.564.460</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.680.648.016	27.201.265.061

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

16. TIỀN NỢ CÁC QUỸ

16.1 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	<u>6.392.357.379</u>	<u>5.755.964.557</u>
	<u>6.512.357.379</u>	<u>5.875.964.557</u>

16.2 Tài sản dài hạn khác

Bao gồm trong tài sản dài hạn khác là tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10.000.000.000 đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền nộp ban đầu quỹ bù trừ Chứng khoán phái sinh	10.000.000.000	-
Tiền lãi phân bổ	<u>14.931.562</u>	<u>-</u>
	<u>10.014.931.562</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	620.384.522	431.648.234
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	62.657.890	71.816.494
	683.042.412	503.464.728

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Phải trả mua các tài sản tài chính	14.230.004.115	7.692.000.000
Phải trả khác	8.528.007.441	624.191.065
	22.758.011.556	8.316.191.065



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

19. VAY NGÂN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Số đầu năm VND	Số tăng trong năm VND	Số giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn	2.477.820.902.000	8.990.427.495.985	8.157.884.877.680	3.310.363.520.305
- Tổ chức tài chính	2.435.610.902.000	7.207.695.495.985	6.838.152.877.680	2.805.153.520.305
- Tổ chức kinh tế	-	64.000.000.000	35.350.000.000	28.650.000.000
- Khác	42.210.000.000	1.718.732.000.000	1.284.382.000.000	476.560.000.000
Vay dài hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Tổ chức kinh tế	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	2.497.820.902.000	8.990.427.495.985	8.177.884.877.680	3.310.363.520.305

Các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty. Đối với khoản vay bằng ngoại tệ, Nhóm Công ty đã sử dụng hợp đồng hoán đổi ngoại tệ để phòng ngừa rủi ro hối đoái của khoản vay nước ngoài. Do đó, tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty không đánh giá lại khoản vay gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái nêu trên.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm VND
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.332.008.629	126.439.021.258	(77.285.997.780)	69.485.032.107
2	Thuế giá trị gia tăng	404.475.169	739.153	(1.534.392.083)	(1.129.177.761)
3	Thuế thu nhập cá nhân	6.649.198.454	40.947.702.303	(35.012.711.216)	12.584.189.541
	- Thuế TNCN khấu trừ của nhân viên	5.125.043.166	12.687.507.520	(8.704.201.688)	9.108.348.998
	- Thuế TNCN khấu trừ của nhà đầu tư	1.124.374.295	17.443.255.023	(15.935.688.271)	2.631.941.047
	- Thuế TNCN khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	219.301.932	1.306.562.731	(1.128.968.071)	396.896.592
	- Thuế TNCN khấu trừ từ cổ tức	180.479.061	9.510.377.029	(9.243.853.186)	447.002.904
4	Khác	48.179.526	553.162.260	(588.781.822)	12.559.964
		27.433.861.778	167.940.624.974	(114.421.882.901)	80.952.603.851
Trong đó:					
-	Thuế GTGT được khấu trừ	(28.788.831)	-	-	(1.251.403.073)
-	Số thuế phải trả	27.462.650.609	-	-	82.204.006.924

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Biến động số lượng cổ phần đang lưu hành trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>Đơn vị</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Đơn vị</u>
Số đầu năm	98.235.174	80.124.700
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	7.268.761	7.209.535
Cổ phiếu thưởng trong năm	1.571.249	900.939
Phát hành cổ phiếu trong năm	-	10.000.000
Số cuối năm	<u>107.075.184</u>	<u>98.235.174</u>

24.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối	520.976.652.353	143.755.547.216
Lợi nhuận chưa thực hiện	105.272.499.875	108.599.398.909
	<u>626.249.152.228</u>	<u>252.354.946.125</u>

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	143.755.547.216	94.501.733.516
Lợi nhuận chưa thực hiện đầu năm	108.599.398.909	24.902.241.847
Tăng trong năm	516.928.898.390	232.878.112.918
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	(3.326.899.034)	83.673.502.662
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	520.255.797.424	148.961.714.136
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu NCI	-	242.896.120
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	-	219.241.720
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	-	23.654.400
Giảm trong năm	(143.034.692.287)	(99.927.142.156)
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(11.405.977.887)	(27.831.792.156)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.405.977.887)	(5.019.836.382)
- Quỹ dự trữ điều lệ	-	(11.405.977.887)
- Quỹ dự phòng tài chính	-	(11.405.977.887)
Số lãi phân phối cho cổ đông	(131.628.714.400)	(72.095.350.000)
- Chia cổ tức bằng tiền mặt	(58.941.104.400)	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	(72.687.610.000)	(72.095.350.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cho cổ đông cuối năm	<u>626.249.152.228</u>	<u>252.354.946.125</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý dự trữ vốn điều lệ VND	Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Lợi ích của cổ đông thiếu số VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	982.351.740.000	111.041.300	18.097.816.228	54.917.083.228	143.755.547.216	108.599.398.909	344.857.706	1.308.177.484.587
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	520.255.797.424	(3.326.899.034)	163.276.521	517.092.174.911
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2020	-	-	-	-	(11.405.977.887)	-	(405.292)	(11.406.383.179)
Trả cổ tức và cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận giữ lại	72.687.610.000	-	-	-	(131.628.714.400)	-	-	(58.941.104.400)
TVAM trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Tăng từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	15.712.490.000	-	(15.712.490.000)	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.070.751.840.000	111.041.300	2.385.326.228	54.917.083.228	520.976.652.353	105.272.499.875	497.728.935	1.754.912.171.919

Nghi quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHCD ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2020 thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 6%. Theo đó, Công ty đã trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt với tổng số tiền là 58.941.104.400 đồng vào ngày 14 tháng 7 năm 2021.

Ngoài ra, trong năm, công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2020 với tỷ lệ 7,4% và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với tỷ lệ 1,6% theo nghị quyết HĐQT số 02/2021/NQ/HĐHĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Số đầu năm	344.857.706	303.620.150
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	248.180.895	16.362.522
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm	(84.904.374)	18.140.194
Góp vốn trong năm vào Finsight	-	280.000.000
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	(242.896.120)
- Lãi đã thực hiện chưa phân phối	-	(219.241.720)
- Lãi chưa thực hiện chưa phân phối	-	(23.654.400)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(405.292)	(369.040)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	(10.000.000)	(30.000.000)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	497.728.935	344.857.706

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

26.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Khoản cho vay hỗ trợ thanh toán	21.474.230.387	21.474.230.387
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	14.470.476.001	14.470.476.001
Phải thu cổ tức	1.114.000.000	1.114.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	973.316.000	973.316.000
	38.032.022.388	38.032.022.388

26.2 Ngoại tệ các loại

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
USD	1.266.721.559	1.895.748.419

26.3 Cổ phiếu đang lưu hành

	<i>Số cuối năm</i> <i>Cổ phiếu</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty	107.075.184	98.235.174

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

26.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mệnh giá tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	126.891.650.000	202.864.650.000
Mệnh giá tài sản tài chính chờ thanh toán	-	1.669.800.000
	126.891.650.000	204.534.450.000

26.5 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch	1.810.000	1.560.000

26.6 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	6.048.050.000	2.275.000.000

26.7 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	164.301.430.971	84.772.363.882
Trái phiếu	-	9.770.000.000
	164.301.430.971	94.542.363.882

26.8 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.166.951.340.000	1.134.172.740.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	91.369.980.000	79.200.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	26.559.000.000	21.238.430.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	3.479.000.000	7.599.140.000
	1.288.359.320.000	1.242.210.310.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

26.9 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	<u>9.505.780.000</u>	<u>8.368.420.000</u>

26.10 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>13.241.000.000</u>	<u>21.444.800.000</u>

26.11 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<u>12.595.830.000</u>	<u>803.830.000</u>

26.12 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	192.210.819.806	161.343.116.615
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	188.249.406.368	161.033.658.436
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.961.413.438	309.458.179
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	27.706.080	8.768.252
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	17.802.365	8.731.620
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	9.903.715	36.632
	<u>192.238.525.886</u>	<u>161.351.884.867</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

26.13 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	152.318.332.450	108.115.862.767
- Của Nhà đầu tư trong nước	148.347.015.297	107.806.367.956
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	3.971.317.153	309.494.811
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	39.920.193.436	53.236.022.100
- Của Nhà đầu tư trong nước	39.920.193.436	53.236.022.100
	<u>192.238.525.886</u>	<u>161.351.884.867</u>

26.14 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	183.088.405	11.215.700
Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn	1.743.476.480	1.630.222.895
	<u>1.926.564.885</u>	<u>1.641.438.595</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

27. LÃI(LỖ) TỬ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

27.1 Lãi(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
1	Cổ phiếu niêm yết					395.129.943.536
	DXG	10.340.000	25.210	260.671.980.000	180.310.462.367	80.361.517.633
	FPT	1.613.300	85.517	137.964.860.000	88.460.845.860	49.504.014.140
	MWG	817.400	136.903	111.904.270.000	64.824.377.100	47.079.892.900
	TCB	3.519.400	43.575	153.357.595.000	110.497.587.189	42.860.007.811
	PVT	6.390.000	21.435	136.972.480.000	103.842.593.704	33.129.886.296
	ACB	2.066.000	38.037	78.585.190.000	56.333.596.805	22.251.593.195
	REE	860.500	55.662	47.810.890.000	28.412.546.294	19.398.343.706
	NVL	848.700	92.922	78.862.960.000	60.376.660.000	18.486.300.000
	PVS	1.800.000	21.590	38.861.970.000	24.413.391.584	14.448.578.416
	HCM	1.420.000	37.548	53.318.260.000	40.168.028.570	13.150.231.430
	Khác	13.529.200	36.603	495.212.585.000	440.753.006.991	54.459.578.009
						2.693.303.673
2	Cổ phiếu không niêm yết					1.450.293.673
	PVP	1.320.000	18.923	24.978.000.000	23.527.706.327	1.243.010.000
	BSR	525.000	15.196	7.977.500.000	6.734.490.000	
3	Trái phiếu niêm yết					1.674.000.000
	TD1929178	2.000.000	120.879	241.758.000.000	242.765.000.000	(1.007.000.000)
	TD182821	250.000	125.076	31.269.000.000	29.856.750.000	1.412.250.000
	TD2131012	250.000	125.088	31.272.000.000	29.860.750.000	1.411.250.000
	TD2030015	1.000.000	105.365	105.365.000.000	105.138.000.000	227.000.000
	Khác	4.000.000	102.235	408.938.500.000	409.308.000.000	(369.500.000)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

27. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

S.T.T	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
4	Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chí tiền gửi					48.034.839.649
	HDBL2128001	275	1.014.030.839	278.858.480.750	275.031.952.050	3.826.528.700
	F88CH2122003	891	103.103.213	91.864.962.940	89.333.801.334	2.531.161.606
	HDBL2128001.1	150	1.020.449.315	153.067.397.250	151.565.567.100	1.501.830.150
	TTCCCH2124003	480.000	103.531	49.694.780.000	48.000.000.000	1.694.780.000
	PDRH2123001	162	105.153.271	17.034.829.902	15.623.529.156	1.411.300.746
	MIBBONDH2023008	800	1.033.808.904	827.047.123.400	825.821.226.350	1.225.897.050
	VBACLH2128002.2	100	1.011.498.082	101.149.808.200	100.028.342.000	1.121.466.200
	07/2021/PD-TP1	200	96.441.538	19.288.307.600	18.261.917.865	1.026.389.735
	Trái phiếu chưa niêm yết khác	11.605.003	1.048.991	12.173.546.961.864	12.139.851.476.402	33.695.485.462
5	Chứng chỉ quỹ					25.555.348.599
	FUCTVGF1	5.400.000	15.417	83.252.443.599	58.111.095.000	25.141.348.599
	FUCTVGF3	460.000	11.000	5.060.000.000	4.646.000.000	414.000.000
6	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	450.349	30.169.200	13.586.669.006.864	13.473.080.129.895	113.588.876.969
7	Danh mục AFS	6.016	1.162.840	6.995.647.337	6.950.532.462	45.114.875
						586.721.427.301
	Trong đó:					
	- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL					596.211.694.605
	- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL					(9.490.267.304)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

27. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND
I	FVTPL	1.507.827.845.667	1.640.805.047.352	132.977.201.685	135.630.425.271	(2.653.223.586)
1	Cổ phiếu niêm yết	402.080.789.430	498.464.868.396	96.384.078.966	111.365.311.408	(14.981.232.442)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	46.082.801.429	43.530.028.000	(2.552.773.429)	(32.935.156)	(2.519.838.273)
3	Chứng chỉ quỹ	72.520.000.000	99.920.000.000	27.400.000.000	23.778.905.000	3.621.095.000
4	Trái phiếu chưa niêm yết	899.161.365.979	907.937.134.060	8.775.768.081	519.144.019	8.256.624.062
5	Trái phiếu niêm yết	25.191.460.592	27.218.575.800	2.027.115.208	-	2.027.115.208
6	Chứng chỉ tiền gửi	62.791.428.237	63.734.441.096	943.012.859	-	943.012.859
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng					82.166.904.986
	- Chênh lệch giảm					(84.820.128.572)
II	HTM	4.374.790.253.553	4.374.790.253.553	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	409.406.354.859	408.826.196.141	(580.158.718)	(580.158.718)	-
IV	AFS	150.331.939.405	147.977.289.405	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	-
		6.442.356.393.484	6.572.398.786.451	130.042.392.967	132.695.616.553	(2.653.223.586)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

27. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu*

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Từ tài sản tài chính FVTPL	25.719.398.749	9.491.174.817
Từ tài sản tài chính HTM	170.912.007.716	138.845.905.334
Từ các khoản cho vay và phải thu	29.872.279.247	21.381.736.309
	226.503.685.712	169.718.816.460

28. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoạt động cho vay ký quỹ	21.864.612.491	15.137.897.762

29. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 1	8.238.639.413	1.522.005.314
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	20.990.469.108	1.420.144.007
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	807.857.098	-
Phí phát hành chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	1.990.080.000	-
Phí quản lý danh mục khác	30.758.111.298	432.265.969
Khác	1.689.264.954	-
	64.474.421.871	3.374.415.290

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí tiền lương	12.745.274.000	7.835.877.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.285.257.492	1.145.599.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.231.967.797	1.026.896.684
Phí giao dịch bán tài sản tài chính tự doanh	859.068.273	385.419.901
Phí lưu ký tài sản tài chính tự doanh	627.660.214	344.968.724
Chi phí khác	759.921.773	631.800.964
	18.509.149.549	11.370.563.764

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương	17.177.146.373	8.507.586.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.974.928.006	3.481.550.499
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	4.762.321.908	2.595.227.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.361.566.751	1.116.205.831
Chi phí khác	7.142.712.731	2.225.816.727
	38.418.675.769	17.926.386.451

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương	8.379.894.471	10.151.361.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.564.194.931	2.702.261.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	187.310.276	354.202.746
Vật tư văn phòng	288.135.110	197.408.350
Chi phí khác	1.917.034.976	1.066.334.809
	21.336.569.764	14.471.569.430

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lương	13.181.982.170	6.683.187.880
Chi phí thuê văn phòng	306.110.896	595.946.104
Vật tư văn phòng	550.765.586	467.278.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.633.492	146.895.428
Chi phí khác	2.073.602.686	471.688.704
	16.263.094.830	8.364.996.571

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.362.242.463	818.984.422
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	156.824	7.233.519
	1.362.399.287	826.217.941

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lãi vay	89.762.528.798	107.703.685.214
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	4.492.478.303	10.580.955
Chi phí tài chính khác	38.664.953.063	-
	132.919.960.164	107.714.266.169

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	25.315.400.478	14.405.719.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.483.128.782	3.454.121.422
BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN	1.625.101.250	1.292.711.450
Chi phí vận phòng phẩm	764.130.124	471.767.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	282.257.698	467.996.315
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	-	456.591.780
Chi phí thuế, phí và lệ phí	39.434.575	52.592.755
Chi phí khác	7.469.952.968	4.540.468.054
	41.979.405.875	25.141.969.152

37. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thu nhập khác	-	15.121
Chi phí khác	(13.221.400.008)	(329.752)
	(13.221.400.008)	(314.631)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2020: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

38.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	126.439.021.258	35.033.719.349
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	479.382.955	20.968.312.598
	126.918.404.213	56.002.031.947

38.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	644.010.579.124	288.671.751.461
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	128.802.115.826	57.734.350.292
Ảnh hưởng của hợp nhất báo cáo tài chính	(701.331.927)	(847.368.946)
Các khoản điều chỉnh tăng	4.406.429.370	509.362.138
- Chi phí không được khấu trừ	2.055.845.936	505.743.592
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	900.413.631	1.907.826
- Thuế tính trên lỗi chênh lệch đánh giá lại TSTC	1.437.587.464	-
- Chi phí thuế TNDN các năm trước	12.582.339	1.710.720
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.600.315.366)	(21.802.187.084)
- Thu nhập từ cổ tức	(4.594.315.366)	(2.516.561.786)
- Chênh lệch tăng ròng đánh giá lại TSTC FVTPL	(6.000.000)	(19.285.625.298)
Chi phí thuế TNDN ước tính	127.906.897.903	35.594.156.400
Thuế TNDN được giảm (*)	(1.467.876.645)	(560.437.051)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	126.439.021.258	35.033.719.349

(*) Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 do Quốc hội ban hành về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng sẽ được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021. Theo đó, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt và Công ty cổ phần Finsight đã ghi nhận tổng chi phí TNDN được giảm trong năm hiện hành với số tiền là 1.467.876.645 VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

38.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	470.930.000	470.930.000	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	1.665.634.460	1.665.634.460	-	-
	2.136.564.460	2.136.564.460	-	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	27.680.648.016	27.201.265.061	(479.382.955)	(20.968.312.598)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phản ánh vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất			(479.382.955)	(20.968.312.598)

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

39.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Công ty con trong năm là 10.317.984.848 đồng (năm trước: 7.286.838.545 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tư doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý quỹ VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	80.093.219.909	463.545.264.185	22.665.454.545	243.451.066.403	233.610.806.932	1.043.365.831.974
2. Các chi phí trực tiếp	(59.388.375.136)	(109.419.052.351)	(21.149.259.488)	(75.566.484.171)	(83.028.743.220)	(348.551.914.366)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	(1.361.566.751)	(1.231.967.797)	(187.310.276)	(278.670.235)	-	(3.059.515.059)
Kết quả kinh doanh bộ phận	19.343.278.022	352.894.244.037	1.328.884.781	167.605.931.997	150.582.063.712	691.754.402.549
4. Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(47.743.823.425)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	19.343.278.022	352.894.244.037	1.328.884.781	167.605.931.997	150.582.063.712	644.010.579.124
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021						
1. Tài sản bộ phận	411.333.811.928	975.146.411.054	77.700.000	171.290.717.056	1.204.289.364.357	2.762.138.004.395
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	230.285.325.534	-	94.434.595.090	25.366.907.371	350.066.827.995
- Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	-	606.074.896.396	-	-	1.034.730.150.956	1.640.805.047.352
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS-thuần	-	108.129.925.523	-	-	39.847.363.882	147.977.289.405
- Các khoản cho vay - thuần	408.826.196.141	-	-	-	-	408.826.196.141
- Dự thu cổ tức/lãi tiền gửi	-	1.043.295.600	-	74.936.349.339	-	121.133.383.007
- Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	-	-	45.153.738.068	45.153.738.068
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.507.615.787	-	77.700.000	-	-	2.585.315.787
- Các khoản phải thu khác	-	29.632.968.001	-	1.919.772.627	45.259.636.435	74.812.377.063
2. Tài sản phân bổ	8.237.671.020	131.019.495.951	1.557.648.817	2.445.333.330.717	1.808.090.202.815	4.394.238.349.320
- Tiền gửi kỳ hạn	-	123.000.000.000	-	2.443.727.260.275	1.808.062.993.278	4.374.790.253.553
- Tài sản cố định	8.237.671.020	8.019.495.951	1.557.648.817	1.606.070.442	27.209.537	19.448.095.767
3. Tài sản không phân bổ	419.571.482.948	1.106.165.907.005	1.635.348.817	2.616.624.047.773	3.012.379.567.172	30.740.896.754
Tổng tài sản	410.089.397.271	16.570.821.586	1.635.348.817	2.616.624.047.773	3.012.379.567.172	7.187.117.250.469
1. Nợ phải trả bộ phận	409.406.354.859	-	-	2.193.447.165.446	2.647.887.674.611	5.267.995.058.914
- Vay	683.042.412	-	-	2.193.447.165.446	707.510.000.000	3.310.363.520.305
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-	-	683.042.412
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	14.406.584.630	-	-	8.351.426.926	22.758.011.556
- Nợ phải trả ngắn hạn khác	-	2.164.236.956	-	-	1.932.026.247.685	1.934.190.484.641
2. Nợ phải trả không phân bổ	410.089.397.271	16.570.821.586	-	2.193.447.165.446	2.647.887.674.611	164.210.019.636
Tổng nợ phải trả	410.089.397.271	16.570.821.586	-	2.193.447.165.446	2.647.887.674.611	5.432.205.078.550

62

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.3 Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	4.059.359.551	4.084.868.844
Từ 1 - 5 năm	5.843.034.921	1.560.766.858
	9.902.394.472	5.645.635.702

39.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	517.092.174.911	232.635.216.798
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	517.092.174.911	232.635.216.798
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	105.832.834	87.435.509
Ảnh hưởng pha loãng do phát hành cổ phiếu thưởng (cổ phiếu)	-	6.994.841
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố pha loãng	105.832.834	94.430.350
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.886	2.661
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.886	2.464

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho năm tài chính hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHCD ngày 23 tháng 4 năm 2021. Ngoài ra, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông lưu hành tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với giá thuyết sự kiện này xảy ra ngay tại thời điểm đầu năm trước. Số liệu sau điều chỉnh trình bày như bảng dưới:

	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	232.635.216.798
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(11.405.977.887)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	221.229.238.911
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	94.430.350
Ảnh hưởng pha loãng do phát hành cổ phiếu thưởng (cổ phiếu)	6.987.846
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố pha loãng	101.418.196
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.343
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.181
39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính	

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản nợ vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Nhóm Công ty chịu lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Nhóm Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Nhóm Công ty ở mức rất thấp do tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty bằng ngoại tệ là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình hình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Nhóm Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay kỹ quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Nhóm Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 6.6*, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 do có đầy đủ tài sản đảm bảo.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Bị suy giảm				Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm	Bị suy giảm giá trị VND		
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.374.790.253.553	-	-	-	4.374.790.253.553
Các khoản cho vay - gộp	408.826.196.141	-	-	-	408.826.196.141
Tài sản tài chính khác	206.333.875.744	-	-	-	206.333.875.744
Phải thu bán tài sản tài chính	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	121.133.383.007	-	-	-	121.133.383.007
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	47.844.952.222	-	-	-	47.844.952.222
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	1.210.215.135	-	-	-	1.210.215.135
Phải thu khác	36.145.325.380	-	-	-	36.145.325.380
Tổng cộng	4.989.950.325.438	-	-	-	4.989.950.325.438
Rủi ro thanh khoản	580.158.718	-	-	-	580.158.718

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lường tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HH

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

TÀI SẢN TÀI CHÍNH	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	669.133.472.196	63.734.441.096	-	907.937.134.060	1.640.805.047.352
Cổ phiếu niêm yết	-	498.464.868.396	-	-	-	498.464.868.396
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	43.530.028.000	-	-	-	43.530.028.000
Trái phiếu niêm yết	-	27.218.575.800	-	-	-	27.218.575.800
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	63.734.441.096	-	907.937.134.060	907.937.134.060
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	63.734.441.096
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	150.331.939.405	-	-	-	99.920.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	150.331.939.405	-	-	-	150.331.939.405
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	150.331.939.405
Các khoản cho vay - gộp	580.158.718	-	4.374.790.253.553	-	-	4.374.790.253.553
Tài sản tài chính khác	-	-	408.826.196.141	-	-	409.406.354.859
Phải thu bán tài sản tài chính	-	-	188.978.335.229	30.843.183.136	6.512.357.379	206.333.875.744
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	121.133.383.007	-	-	121.133.383.007
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	47.844.952.222	-	-	47.844.952.222
Phải thu khác	-	-	-	1.210.215.135	-	1.210.215.135
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	350.066.827.995	-	29.632.968.001	6.512.357.379	36.145.325.380
NỢ TÀI CHÍNH	580.158.718	1.169.532.239.596	5.049.329.226.019	30.843.183.136	914.449.491.439	7.164.734.298.908
Vay	-	-	3.310.363.520.305	-	-	3.310.363.520.305
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	995.695.295	-	-	-	995.695.295
Phải trả, phải nộp khác	-	196.274.571.887	74.426.126.974	-	-	270.700.698.861
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	580.158.718	972.261.972.414	1.664.539.578.740	30.843.183.136	914.449.491.439	3.582.059.914.461

68

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

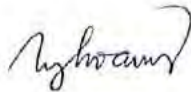
39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Bà Hoàng Khánh Ly
Người lập



Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



TRỤ SỞ

Tầng 15, Tòa nhà HAREC,
Số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình,
Hà Nội

Số điện thoại: +84 24 3248 4820

Số fax: +84 24 3248 4821

CHI NHÁNH HCM

Lầu 8 & 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long,
63AVõ Văn Tần, Quận 3,
Hồ Chí Minh

WEBSITE

<https://www.tvs.vn>

